

LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH

17

Ỡ LAN NGUYỄN PHI



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Chủ biên
TRẦN BẠCH ĐĂNG
Biên soạn
TÔN NỮ QUỲNH TRẦN
Họa sĩ
NGUYỄN HUY KHÔI

**LỊCH SỬ
VIỆT NAM**
BẰNG TRANH

TẬP 17: Ỗ LAN NGUYÊN PHI

Tái bản lần thứ nhất

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Hình vẽ do phòng vẽ “Lịch sử Việt Nam bằng tranh” thực hiện Họa sĩ thể hiện: Nguyễn Huy Khôi

BIỂU GHI BIÊN MỤC TRƯỚC XUẤT BẢN ĐƯỢC THỰC HIỆN BỞI THƯ VIỆN KHTH TP.HCM

Ỗ Lan Nguyên phi / Trần Bạch Đằng chủ biên ; Tôn Nữ Quỳnh Trân biên soạn ; họa sĩ
Nguyễn Huy Khôi. - Tái bản lần thứ 1. - T.P. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2012.

112 tr. : minh họa ; 21 cm. - (Lịch sử Việt Nam bằng tranh ; T.17).

1. Ỗ Lan, 1044-1117. 2. Việt Nam — Lịch sử — Triều nhà Lý, 1009-1225 — Sách tranh.

I. Trần Bạch Đằng. II. Tôn Nữ Quỳnh Trân. III. Ts: Lịch sử Việt Nam bằng tranh.

1. Ỗ Lan, 1044-1117. 2. Vietnam — History — Ly dynasty, 1009-1225 — Pictorial works

959.7023092 — dc 22

Y11

LỜI GIỚI THIỆU

Việc người phụ nữ tham gia triều chính trong lịch sử nước ta vốn đã là hiếm. Không những vậy, người phụ nữ ấy với tài năng và đức độ của bản thân lại trở thành một trong những danh nhân có tài trị nước. Người ấy chính là Nguyên phi Ỗ Lan.

Vốn chỉ là cô thôn nữ, vào cung, được vua Lý Thánh Tông tin tưởng trao quyền nhiếp chính khi người đích thân chinh phạt Chiêm Thành, và khi nhiếp chính với cương vị Hoàng thái hậu, Nguyên phi Ỗ Lan góp phần không nhỏ trong việc ổn định chính sự, giúp cho trong nước yên ổn, lòng dân vui vẻ, được nhân dân quý trọng, tôn vinh.

Dẫu vậy, đời người không tránh được sai lầm, sử cũ vẫn ghi lại chuyện Thượng Dương hoàng hậu cùng 72 vị cung nữ đã làm cả đời bà day dứt, xây dựng chùa chiền, sám hối, rửa oan. Do vậy, bà rất tinh thông Phật pháp, là người “hiếu sâu tôn chi” đạo Phật, cùng với tài văn chương, bà đã để lại cho đời bài kệ vẫn còn lưu lại trong Thiền uyển tập anh rất có giá trị.

*Những nội dung trên được truyền tải trong tập 17 của bộ **Lịch sử Việt Nam bằng tranh “Ỗ Lan nguyên phi”** phần lời do Tôn Nữ Quỳnh Trân biên soạn, phần hình ảnh do Nguyễn Huy Khôi thể hiện.*

*Nhà xuất bản Trẻ xin trân trọng giới thiệu tập 17 của bộ **Lịch sử Việt Nam bằng tranh**.*

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Nguyên phi Ý Lan là vợ vua Lý Thánh Tông, và là mẹ vua Lý Nhân Tông trong lịch sử Việt Nam. Với tài năng và đức độ của mình, Ý Lan đã được vua Lý Thánh Tông trao quyền điều khiển chính sự khi người thân chinh cầm quân chinh phạt Chiêm Thành năm Kỷ Dậu (1069). Khi vua Lý Nhân Tông lên ngôi, do còn nhỏ tuổi, dưới sự giúp đỡ của cả Lý Đạo Thành và Lý Thường Kiệt, bà ra tài ổn định và phát triển đất nước, dập tan âm mưu xâm lược của ngoại bang.

Mùa thu năm năm Đinh Dậu (1117), Ý Lan mất, hỏa táng ở Thọ Lăng, phủ Thiên Đức (đền Lý Bát Đế).

Ỗ Lan, theo một số sách thì có tên thật là Lê Thị Khiết, quê ở làng Thổ Lỗi, Gia Lâm, Hà Nội^(*). Khiết sinh trưởng trong một gia đình làm ruộng, có nghề trồng dâu nuôi tằm. Sống giản dị ở làng quê êm đềm nên theo nếp nhà, Khiết đã chăm chỉ làm việc từ nhỏ. Lớn lên, cô trở thành một cô gái khéo léo, nuôi tằm, dệt lụa không thua một ai trong vùng.

** Có tài liệu nói là huyện Mỹ Văn - Hưng Yên.*





Khiết không những khéo tay, chăm chỉ, mà còn là một cô gái khỏe mạnh và xinh đẹp. Do thức khuya dậy sớm, luôn tay vận động nên cô có một sức khỏe dẻo dai. Trời còn phú cho cô một làn da trắng hồng, nụ cười duyên dáng và giọng ca ngọt ngào. Vào những đêm trăng, cô vừa dệt lụa vừa ngân nga hát. Tiếng hát thanh trong, cao vút lơ lửng trong không gian, làm xao xuyến lòng người.

Nhiều chàng trai say đắm giọng ca, nết ở của cô, nhờ mai mối đến đưa lời với cha Khiết mong cụ nhận lời mà gả con cho. Nhưng cha Khiết vốn yêu thương con gái nên không muốn ép duyên con. Cụ để cho Khiết tự lựa chọn. Còn Khiết dù cũng có bâng khuâng, nhưng thương cha già, chưa muốn rời xa.



Mẹ Khiết mất khi cô vừa chớm lớn. Tuy thế bà cũng kịp truyền lại nghề nuôi tằm, dệt lụa cho cô. Cô nuôi lứa tằm nào cũng trứng. Bỏ cô chọn mua trứng ngài^(*) của những lái buôn quen biết nên lứa nào cũng được họ dành cho thứ tốt. Cô treo trứng ngài vào chỗ mát cho đến khi nở ra sâu nho nhỏ thì để vào nong^(**). Vì nhà neo người nên mỗi lứa cô chỉ nuôi vài chục nong.

(*) Ngài là bướm do tằm biến thành.

(**) Nong là dụng cụ đan bằng tre rất khít, hình tròn, lòng rộng và cạn, khá to, dùng để phơi, đựng.



Vào những lúc tầm ăn rồi, cô làm việc không nghỉ tay. Cô rất cẩn thận, chỉ chọn hái những lá dâu tươi xanh. Hái về, cô không cho tầm ăn ngay mà bao giờ cũng hong thật khô rồi mới thái thành những sợi mỏng như tơ. Sợi lá càng nhỏ, tầm tiêu hóa càng dễ dàng nên chóng lớn. Mỗi ngày phải cho tầm ăn đến ba mươi sáu lần nên có khi Khiết quên cả ăn cả ngủ.





Cha cô phải nhờ một cậu bé trong họ cùng cô săn sóc tằm. Tằm ăn rồi một tuần thì cô mới được thong thả hơn. Lá dâu không còn phải thái nhỏ nữa mà tằm cũng chỉ ăn có năm, sáu lần trong ngày mà thôi. Tuy vậy, buồng nuôi tằm vẫn phải giữ thông khí và sạch sẽ. Hễ trời trở nóng thì mở cửa cho mát, trời trở lạnh thì phải đóng ngay, nếu không tằm sẽ chết. Tằm cũng không chịu được gió lùa. Gió thổi phía nào thì phải che phía ấy để bảo vệ tằm.

Ngoài ra còn phải xua ruồi, đuổi chuột. Nếu ruồi đậu vào tằm thì sẽ đẻ trứng, bọ ruồi sẽ ăn kén tằm về sau này. Còn các chú chuột thì rất khoái chén những con tằm béo ngậy. Cậu em họ của Khiết tinh mắt, thường giúp Khiết loại bỏ những con tằm xấu, vì tằm xấu chẳng cho tơ mà còn ăn tổn lá dâu nữa.





Khiết nuôi chừng hai bốn, hai lăm ngày là tằm chín, sẵn sàng nhả tơ. Cô bắt tầm lên né^(*) rồi đem phơi dưới nắng để cho tằm làm tổ. Khi có được kén^(**) rồi thì chỉ trong ba ngày là cô phải ươm tơ ngay. Nếu chậm trễ, nhộng sẽ cắn kén chui ra, làm hỏng hết cả tơ.

(*) Né là dụng cụ làm bằng phên đan thưa, thường có nhét rom, dùng đặt tầm khi đã chín, để cho tằm làm tổ.

(**) Tổ bằng tơ mà tằm tự nhả ra để ẩn lúc hóa thành nhộng.

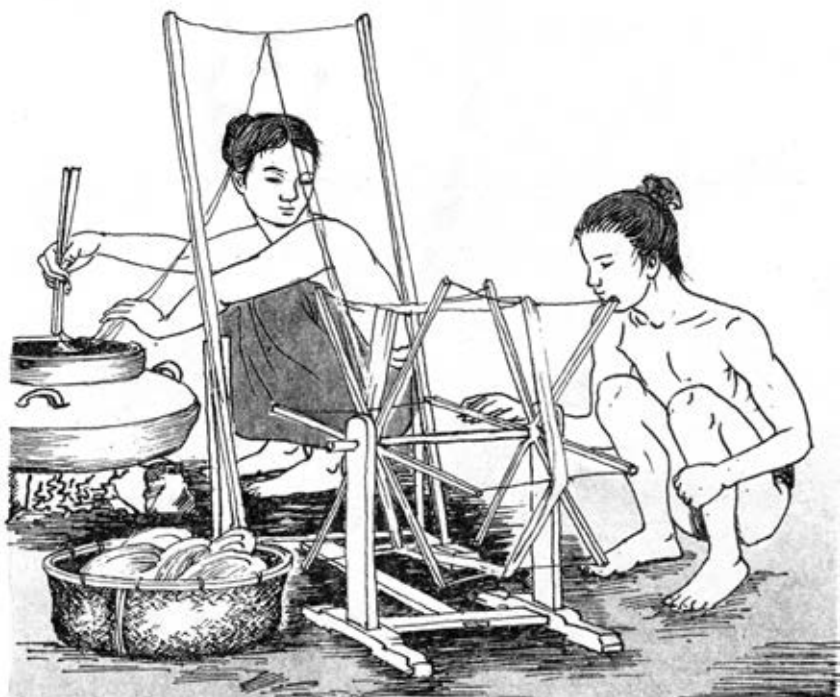
Ươm to^(*) là một công việc rất khó khăn, nhưng nhờ mẹ đã chỉ bảo cẩn thận nên Khiết rất thông thạo. Cô nấu nước sôi rồi lần lượt bỏ những cái kén vào nồi. Tay cô cầm đũa, thoăn thoắt nhào đi nhào lại mớ kén để lấy sợi gốc. Lấy được rồi, cô bỏ đũa, dùng tay kéo to. Cứ bảy con kén, cô chập lại thành một sợi. Nếu có mối nào đứt thì cô nhanh tay nối ngay.

(*) Ươm to là kéo sợi to từ kén ra.



Sợi tôi được nối vào gàng^(*) và cậu bé trai ngoan ngoãn quay đều tay dưới sự chỉ dẫn của người chị họ đảm đang. Khi nào gàng nặng ước chừng bốn năm lạng, cậu bé quấn mối lại rồi đem phơi nơi thoáng gió và sạch sẽ. Trong khi đó, Khiết vẫn tiếp tục uơm tơ.

(*) Dụng cụ bằng gỗ có hình lục lăng để quấn tơ vào.



Tơ do Khiết làm ra khi nào cũng vàng mượt và óng ánh ngũ sắc. Với những cuộn tơ ấy, cô dệt thành những tấm lụa mịn màng. Các lái buôn thường tìm đến cô để mua. Nhờ thế, tuy gia cảnh đơn sơ, nhưng trong nhà chưa bao giờ túng thiếu. Còn Khiết, dù tự tay làm ra nhưng chưa bao giờ cô dám may cho mình một chiếc áo lụa. Quanh năm cô chỉ mặc một thứ vải nâu sồng mộc mạc.



Hàng đêm, tiếng khung cửi dệt lụa hòa trong tiếng học bài ê a của cậu em. Hai chị em mải mê, người dệt, người học cho đến tận khuya. Thỉnh thoảng, người cha thức giấc ra châm đèn đuổi muỗi cho con hoặc nhấm nháp chén rượu thuốc. Nhìn con siêng năng, hài lòng nhưng không khỏi áy náy cho nhân duyên của con gái.



Rồi năm ấy (1062), làng Thổ Lỗi cũng đang vào đợt nuôi tằm. Khiết tất bật lo toan. Nhắm lúc tằm nhà đang ăn rỗi, Khiết hái dâu, thái lá không ngừng tay. Có tin loan rằng nhà vua sẽ đi ngang qua làng đến chùa Dâu để cầu tự. Ngài đã 40 tuổi mà vẫn chưa có một hoàng nam nào nên vẫn thường đến những nơi linh thiêng để cầu xin. Khiết nghe tin, trong lòng cũng muốn được biết mặt rồng, nhưng bận rộn nên cô cũng quên bẵng đi.



Hôm ấy, trong nhà đã hết lá dâu, Khiết ra nương hái. Nắng xuyên qua vườn dâu xanh muốt, ánh lên mặt người con gái đang ửng hồng vì vội vã. Bỗng từ đằng xa, một đoàn quân rầm rộ đi đến. Vó câu của đấng thiên tử gõ đều, theo sau là đoàn Thiên tử binh. Các chức dịch trong làng ăn mặc chỉnh tề, chấp tay lại bên đường. Dân chúng ùa ra, hớn hờ tung hô: Thánh cung vạn phúc! Ai cũng muốn tận mắt chiêm ngưỡng vị vua có tiếng nhân từ này.



Nhà vua vui mừng miễn lễ cho các thần dân. Ngài đưa mắt nhìn ngấm phong cảnh của vùng quê êm đềm và bỗng thấy trên nương dâu thấp thoáng bóng dáng yêu kiều của một người con gái đang mải mê hái lá. Vó câu đột ngột dừng lại. Hai tay đang thoăn thoắt hái dâu, nghe tiếng reo hò, Khiết quay lại. Ô kìa, nhà vua đã đến. Cô ngừng tay rồi ngập ngừng đến nép bên gốc lan nhìn ra.



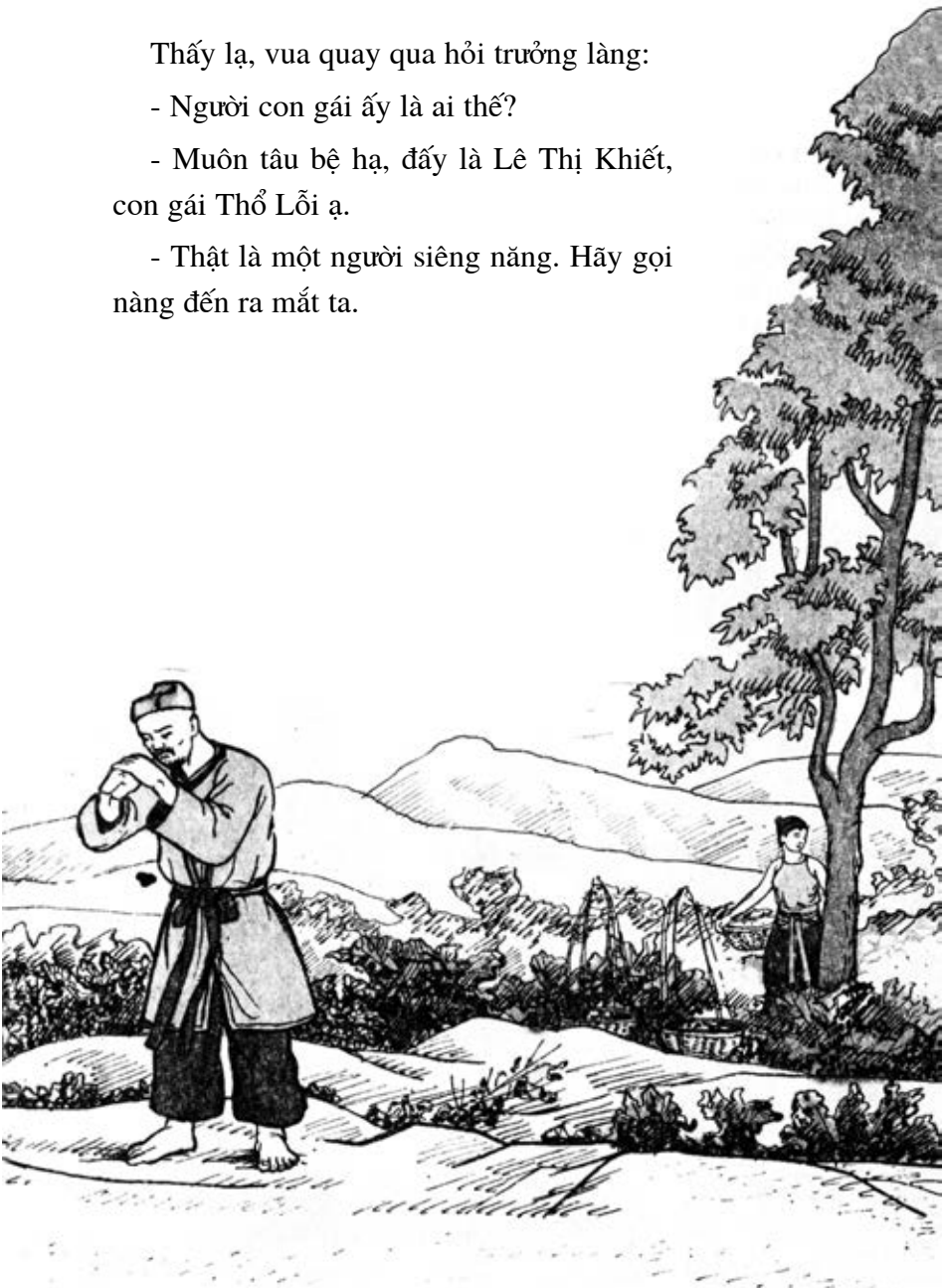


Thấy lạ, vua quay qua hỏi trưởng làng:

- Người con gái ấy là ai thế?

- Muôn tâu bệ hạ, đây là Lê Thị Khiết,
con gái Thổ Lỗi ạ.

- Thật là một người siêng năng. Hãy gọi
nàng đến ra mắt ta.



Được diện kiến long nhan, Khiết không khỏi bồi hồi, nhưng cô cố trấn tĩnh. Nhà vua hỏi về gia cảnh của cô, về sức khỏe cha già, đặc biệt, ngài tìm hiểu về việc chăn tằm, dệt lụa. Câu nào cô cũng trả lời lưu loát. Cuối cùng, cô nói:

- Muôn tâu bệ hạ, hiện lũ tằm ăn rồi háu đói đang chờ tiện thiếp ở nhà. Xin bệ hạ thứ tội.



Nhà vua ngỡ ngàng trước người con gái xinh đẹp, nết na. Không tiện giữ nàng lâu, ngài sai một Thiên tử binh đi theo gánh thúng dâu cho Khiết và bảo quan hộ giá(*) đưa Khiết về nhà.

Trở về cung, nhà vua không thể quên cô thôn nữ xinh xắn ấy. Ngài quyết định cưới cô làm vợ.

(*) *Quan đi theo để bảo và phục dịch cho vua.*





Thổ Lỗi được tin báo. Thật là một vinh hạnh lớn cho nàng. Các quan viên hàng xã một mặt chuẩn bị đón quan hoạn và đoàn tùy tùng đại diện cho nhà trai; một mặt lo đưa tiễn cô dâu. Làng Thổ Lỗi như ngày vào hội. Mọi người nô nức sửa soạn. Các đình^(*) làng được phân công lo việc ở đình làng, còn đám phụ nữ thì đi giúp đỡ Khiết.

(*) Đình là trai tráng đến tuổi phải đóng thuế thân và đi lính dưới thời phong kiến.

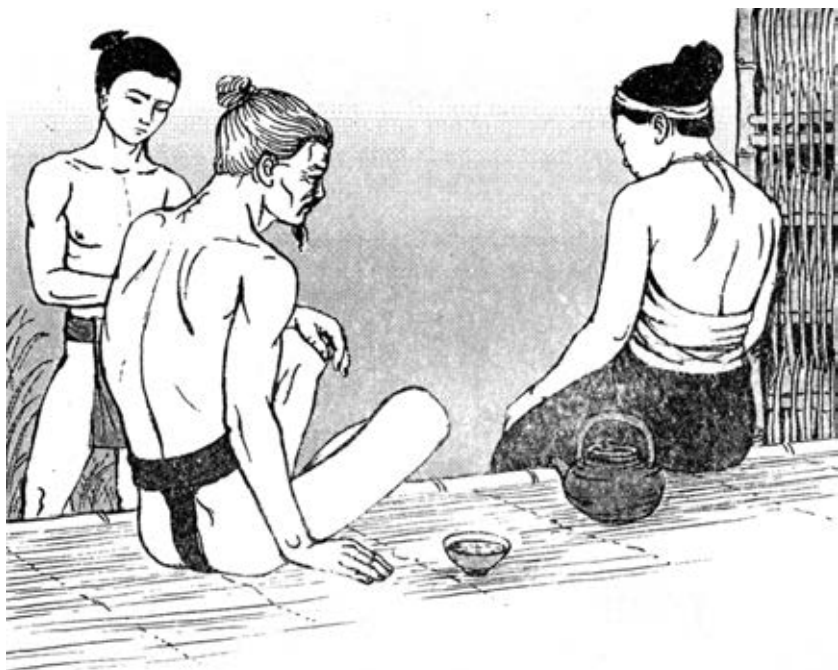


Đình làng được dọn dẹp sạch sẽ. Bia Thần Nông và Thần Hồ được chà quét cho tươi tắn. Các cây kiểng nhái theo hình các con thú như nai, hạc... được các nghệ nhân tỉa tót lại cho sắc sảo. Tượng Thành hoàng^(*) được lau chùi lại cho kỹ càng. Các tấm liễn sơn son thếp vàng ánh trực lên những hàng câu đối.

(*) Thành hoàng là những người có công kiến tạo, xây dựng ngôi làng. Khi họ mất, dân làng tôn họ lên làm thần. Đến thời nhà Lê, các Thành hoàng còn được phong làm “Trung đẳng thần”.

Trong khi dân làng đang rộn rịp chuẩn bị thì ở nhà Khiết, một không khí lặng lẽ đang bao trùm. Cha Khiết ngồi trầm ngâm bên chén trà, còn Khiết thì mắt nhắm lại. Từ khi diện kiến cùng vua Lý Thánh Tông, cô đã thấy được tình ý của ngài. Nhưng cảnh phân ly làm cho cô thất lòng. Thêm nữa, viễn cảnh cuộc sống tù túng của một cung nhân trong cấm thành cứ ám ảnh cô.





Cuối cùng cha cô an ủi với giọng nghẹn ngào:

- Âu cũng là số phận, con ạ. Con gắng làm vui lòng đấng Thiên tử! Được thế, cha cũng nguôi ngoai.

- Vâng, thưa cha, con sẽ cố gắng. Không biết cha con mình có còn được gặp nhau không? Con xin cha hãy bảo trọng.

Cha con cô không còn kịp để nói chuyện riêng nữa. Các bà các cô trong làng đã đến. Cũng cảm cảnh chia ly, họ không tíu tít như thường ngày mà nhẹ nhàng lo thay áo, trang điểm cho Khiết.

Viên hoạn quan đến cùng chiếc kiệu và một toán quân lính. Ông được rước vào đình để nghỉ ngơi và uống vài chén rượu chung vui với các quan viên.



Sau đó, cả đoàn gồm viên quan hoạn và các chức sắc trong làng đến nhà rước Khiết. Khiết nén buồn, thấp nén hương lạy bàn thờ của mẹ, rồi quay lại từ biệt cha^(*). Cô cũng không quên cúi chào các quan viên, láng giềng, bạn bè, đoạn quyền luyến lên kiệu. Chiếc màn buông xuống, nước mắt cô cũng tuôn theo. Thế là già từ cuộc sống hồn nhiên để bước vào tương lai xa lạ.

** Có sách nói Ý Lan còn có mẹ kế.*





Trước khi cưới Khiết, vua Lý Thánh Tông đã có hoàng hậu và một số phi tần^(*). Hoàng hậu Thượng Dương không có con, còn các bà phi thì đã sinh cho vua hai người con gái. Đó là công chúa Thuận Thiên và công chúa Thiên Thành. Hoàng hậu Thượng Dương xinh đẹp và đoan chính, rất được nhà vua nể trọng. Bà cũng mong nhà vua có con trai để nối dõi, nên không phản đối gì khi Khiết nhập cung.

(*) Phi là vợ thứ của vua.

Lúc mới vào cung, Khiết tuy được vua yêu dấu, nhưng cô không có địa vị gì mà cũng chỉ như những cung nhân khác. Dần dà, nhờ thông minh và ham học hỏi, cô hiểu biết được nhiều điều chính sự và chia sẻ cùng vua những việc triều chính khó khăn. Vì thế, vua càng ngày càng tin tưởng người con gái dân dã ấy và thường bàn luận với nàng những lúc gặp vấn đề nan giải.



Để tỏ lòng ưu ái cùng Khiết, nhà vua phong nàng lên hàng phi và dành cho một cung điện lộng lẫy sang trọng. Vua thân ái đặt cho cung ấy là Ý Lan^(*) nhằm giữ mãi kỷ niệm buổi gặp gỡ ban đầu khi Khiết đứng tựa gốc lan bên nương dâu. Từ đấy, Khiết được gọi là Ý Lan phu nhân. Nàng ngày đêm mong đợi một đứa con trai để không phụ lòng yêu thương của nhà vua.

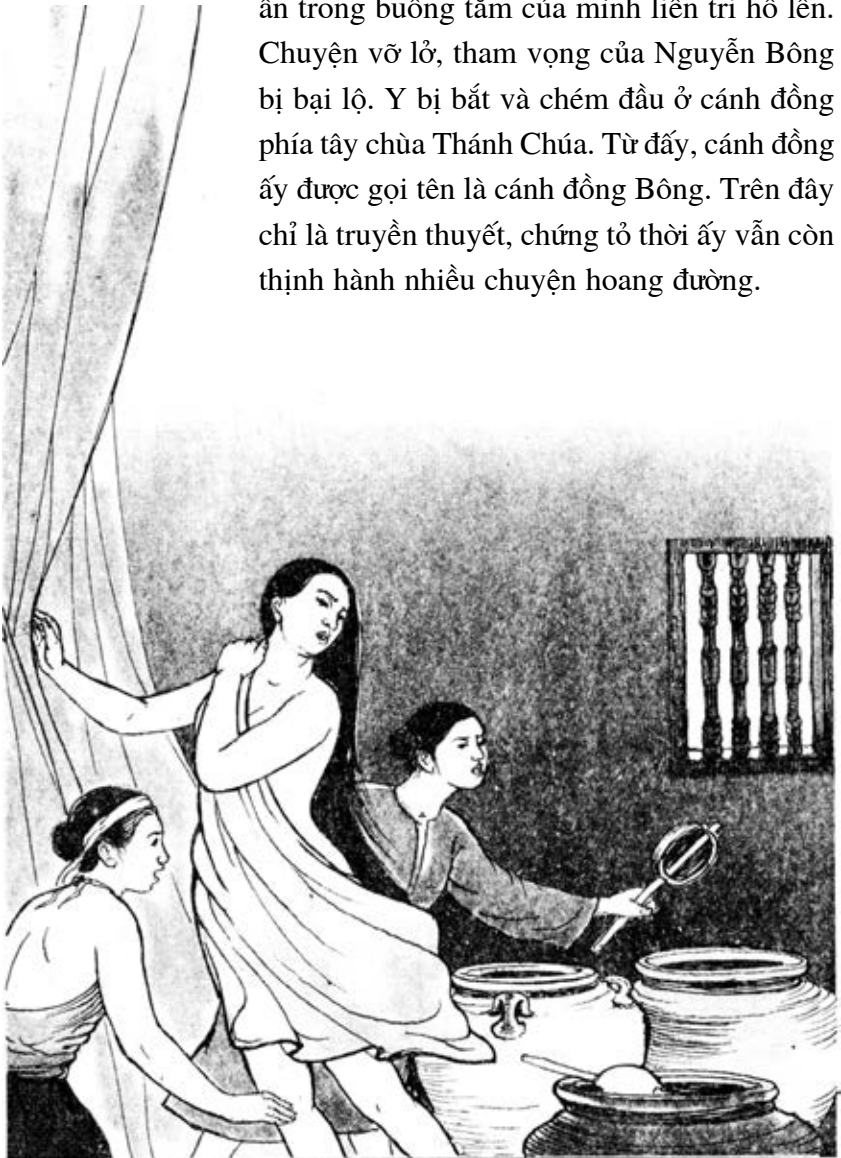
* Ý Lan có nghĩa là dựa vào cây lan



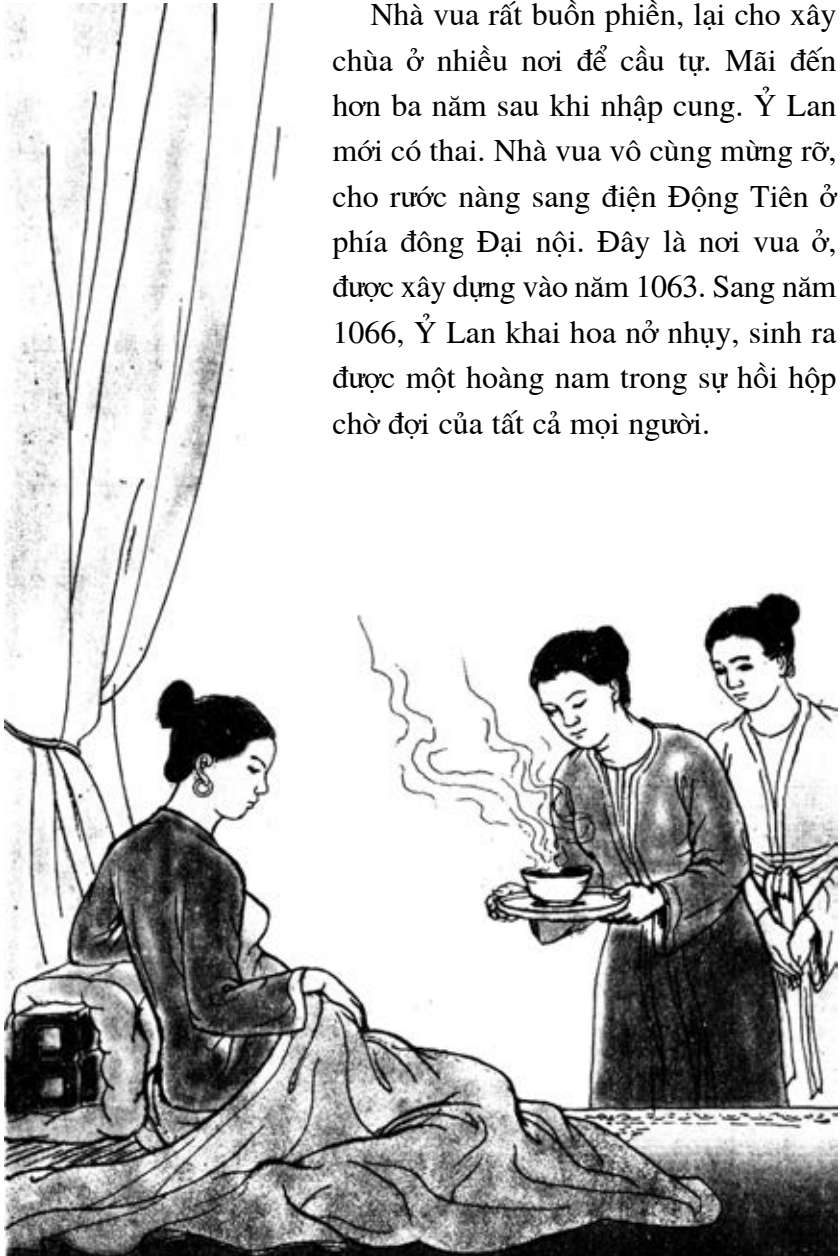
Thế nhưng Ý Lan nhập cung đã một năm mà vẫn chưa có thai. Nhà vua vô cùng lo lắng sai viên Chỉ hầu là Nguyễn Bông đi cầu tự ở chùa Thánh Chúa (chùa này nay vẫn còn ở phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội). Nhà sư trụ trì chùa Thánh Chúa và Đại Viên vốn là người nổi tiếng có phép thuật. Ông bày cho Nguyễn Bông hãy nấp vào buồng tắm của Ý Lan, đợi khi nàng tắm thì hóa thân đầu thai.



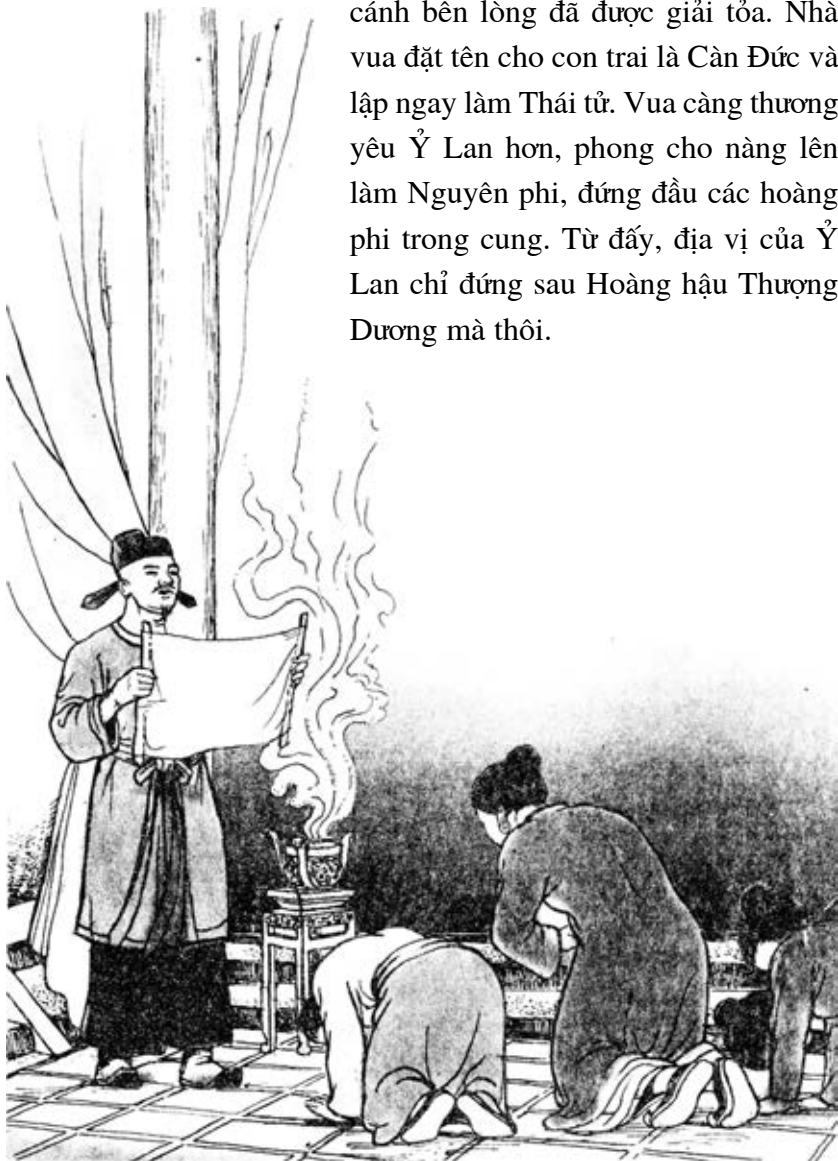
Nhưng âm mưu không thành, Ý Lan trong một dịp đi tắm, phát hiện được kẻ lạ đang ẩn trong buồng tắm của mình liền hô lên. Chuyện vỡ lở, tham vọng của Nguyễn Bông bị bại lộ. Y bị bắt và chém đầu ở cánh đồng phía tây chùa Thánh Chúa. Từ đấy, cánh đồng ấy được gọi tên là cánh đồng Bông. Trên đây chỉ là truyền thuyết, chứng tỏ thời ấy vẫn còn thịnh hành nhiều chuyện hoang đường.



Nhà vua rất buồn phiền, lại cho xây chùa ở nhiều nơi để cầu tự. Mãi đến hơn ba năm sau khi nhập cung, Ý Lan mới có thai. Nhà vua vô cùng mừng rỡ, cho rước nàng sang điện Động Tiên ở phía đông Đại nội. Đây là nơi vua ở, được xây dựng vào năm 1063. Sang năm 1066, Ý Lan khai hoa nở nhụy, sinh ra được một hoàng nam trong sự hồi hộp chờ đợi của tất cả mọi người.



Thật ra không có niềm vui nào to lớn bằng. Nỗi mong đợi, lo lắng canh cánh bên lòng đã được giải tỏa. Nhà vua đặt tên cho con trai là Càn Đức và lập ngay làm Thái tử. Vua càng thương yêu Ỗ Lan hơn, phong cho nàng lên làm Nguyên phi, đứng đầu các hoàng phi trong cung. Từ đấy, địa vị của Ỗ Lan chỉ đứng sau Hoàng hậu Thượng Dương mà thôi.





Trong hạnh phúc, nhà vua vẫn không quên ngôi làng Thổ Lỗi một mạc xưa kia. Để đề cao nơi đã sinh ra người con gái tài đức vẹn toàn và là quê ngoại của Thái tử, vua Lý Thánh Tông đổi tên làng Thổ Lỗi thành Siêu Loại (1068), có nghĩa là vượt lên trên hết.

Theo lệ thời ấy, Càn Đức gọi Hoàng hậu Thượng Dương là đích mẫu và gọi Ý Lan là sinh mẫu, vì tất cả con cái, dù là con của người vợ nào, đều được xem là con của người vợ chính. Thượng Dương rất vui mừng và an tâm vì từ đây, nhà vua cất được nỗi lo trong lòng và bà cũng bớt băn khoăn về nỗi không con của mình.



Cần Đức được chăm sóc chu đáo nên khỏe mạnh, chóng lớn. Y Lan bận rộn với con nhưng vẫn giúp vua việc triều chính. Bà còn chú ý đến nghề tầm tang, lập riêng một đội chuyên dệt gấm, lụa. Các cung nữ được bà truyền nghề và trở nên thông thạo trong việc chần tầm ươm tơ, không kém gì cô Khiết ngày xưa. Gấm, lụa họ dệt ra đủ cung cấp cho cung cấm, vì vậy nhà nước không cần nhập gấm, lụa của Tống nữa.



Một đứa con trai quả thật đã làm an lòng vua Lý Thánh Tông. Ngài nghĩ đến những chuyến viễn hành để củng cố thanh thế. Năm 1069, nước Chiêm Thành liên kết cùng nước Tống và được Tống bán cho nhiều ngựa chiến. Có hậu thuẫn của nước lớn, vua Chiêm Thành trở mặt và bắt đầu dòm ngó Đại Việt. Vua Lý Thánh Tông vô cùng tức giận, quyết định thân chinh tiêu phạt.

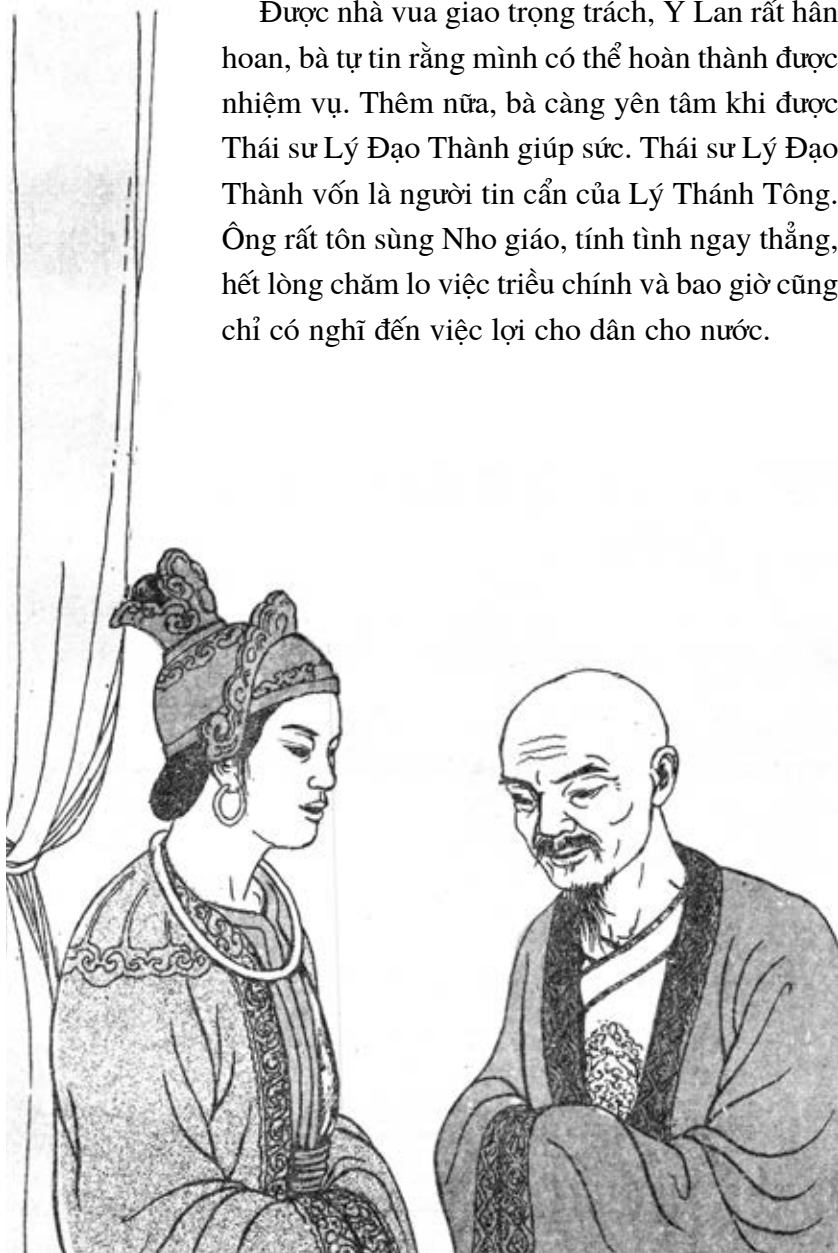




Sau buổi lễ thờ Đồng Cổ^(*), nhà vua cho gọi Nguyên phi Ý Lan đến diện kiến. Trước mặt bá quan văn võ, ngài trao quyền trị nước cho Ý Lan, còn thái sư Lý Đạo Thành được cử làm phụ chính. Sắp xếp xong xuôi, vua cùng Nguyên soái Lý Thường Kiệt và binh sĩ lên thuyền bắt đầu cuộc viễn chinh.

^{*} Cuộc lễ thờ vì trung và hiếu (xem tập “Xây đắp nhà Lý”).

Được nhà vua giao trọng trách, Ý Lan rất hân hoan, bà tự tin rằng mình có thể hoàn thành được nhiệm vụ. Thêm nữa, bà càng yên tâm khi được Thái sư Lý Đạo Thành giúp sức. Thái sư Lý Đạo Thành vốn là người tin cẩn của Lý Thánh Tông. Ông rất tôn sùng Nho giáo, tính tình ngay thẳng, hết lòng chăm lo việc triều chính và bao giờ cũng chỉ có nghĩ đến việc lợi cho dân cho nước.





Cầm quyền trị nước trong tay, Ý Lan để ý đến mọi lĩnh vực, từ kinh tế cho đến xã hội, văn hóa. Bà chú trọng đến nông nghiệp, mở kho phát chẩn cho những vùng đói, đặc biệt tích cực nghiêm cấm việc giết trâu. Thời ấy, kinh tế trong nước chủ yếu là làm ruộng. Mà cây bừa thì toàn nhờ vào sức của con trâu. Cho nên việc nhà nước ngăn cấm dân chúng giết trâu đã bảo đảm sức kéo cho nông nghiệp.

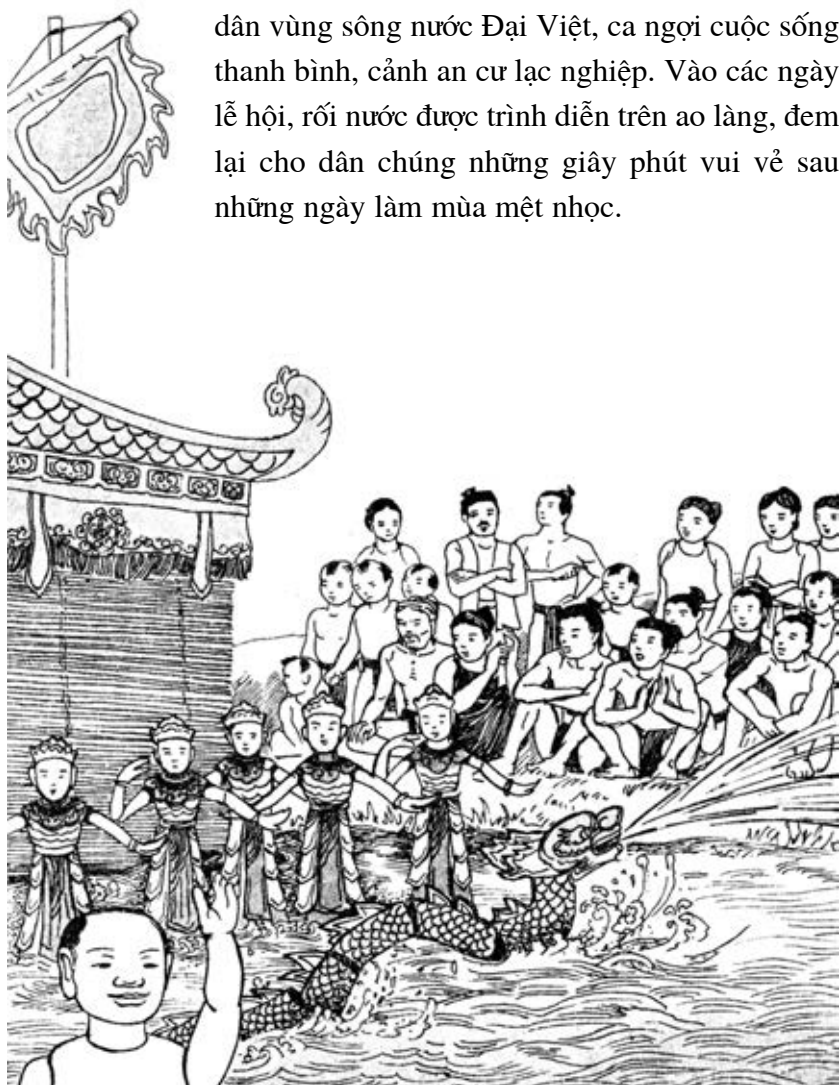
Ỗ Lan khuyến khích các hoạt động thủ công, nhất là nghề ươm tơ dệt lụa. Bà tự tay chăn tằm dệt lụa để làm gương cho dân chúng. Các làng trồng dâu, nuôi tằm, dệt lụa được bà quan tâm giúp đỡ. Ở đâu có giống tằm tốt bà đem cho phổ biến khắp nơi. Nhờ đó, nghề này càng ngày càng được phát triển và hoàn thiện.





Ngề gốm cũng được nâng đỡ. Những bát đĩa, ấm chén, bình lọ có lớp men màu ngà rất tinh xảo. Đặc biệt nhất là loại sứ men xanh, trong như ngọc. Vì chịu ảnh hưởng của Phật giáo, hoa văn trang trí của các đồ gốm sứ chủ yếu là hoa sen với nhiều trạng thái: hoa còn phong nhụy, hoa nở, hoa tàn...

Cuộc sống dân chúng ngày một sung túc, do đó các trò vui chơi giải trí cũng được mở ra. Trò múa rối nước mang tính nghệ thuật đặc sắc có điều kiện phát triển. Đây là một trò chơi của cư dân vùng sông nước Đại Việt, ca ngợi cuộc sống thanh bình, cảnh an cư lạc nghiệp. Vào các ngày lễ hội, rối nước được trình diễn trên ao làng, đem lại cho dân chúng những giây phút vui vẻ sau những ngày làm mùa mệt nhọc.



Trong khi ấy, vua Lý Thánh Tông cùng đoàn quân xông pha nơi sa trường. Nhiều cuộc chạm trán kịch liệt xảy ra. Vùng đất xa lạ với gió chướng, bão táp càng làm tăng thêm nỗi khó nhọc cho kẻ viễn chinh. Địch thủ lại chiến đấu rất kiên cường. Quân Đại Việt bị tổn hao. Thấy chiến sự kéo dài, nhà vua lo lắng, sợ vắng mặt trong nước lâu ngày thì không hay. Vì thế, ngài quyết định tạm lui binh.



Đoàn thuyền quay lại hướng bắc, trở về. Lênh đênh trên mặt biển mấy ngày thì đến hải phận châu Cư Liên^(*). Vua cho ghé thuyền nghỉ ngơi. Một toán quân trinh sát được cử lên bờ thăm thú tình hình. Đâu đâu họ cũng nghe lời ca ngợi bà Ý Lan vì tài nội trị, an dân, đem lại đất nước cảnh thanh bình.

** Chưa biết châu Cư Liên hiện nay là ở đâu.*



Toán trình sát vội vã quay về thuyền báo tin cho nhà vua.
Xúc động, ngài ngửa mặt than:

- Nguyên phi là đàn bà, còn giỏi như vậy. Ta là nam nhi lại
chẳng làm được việc gì hay sao?

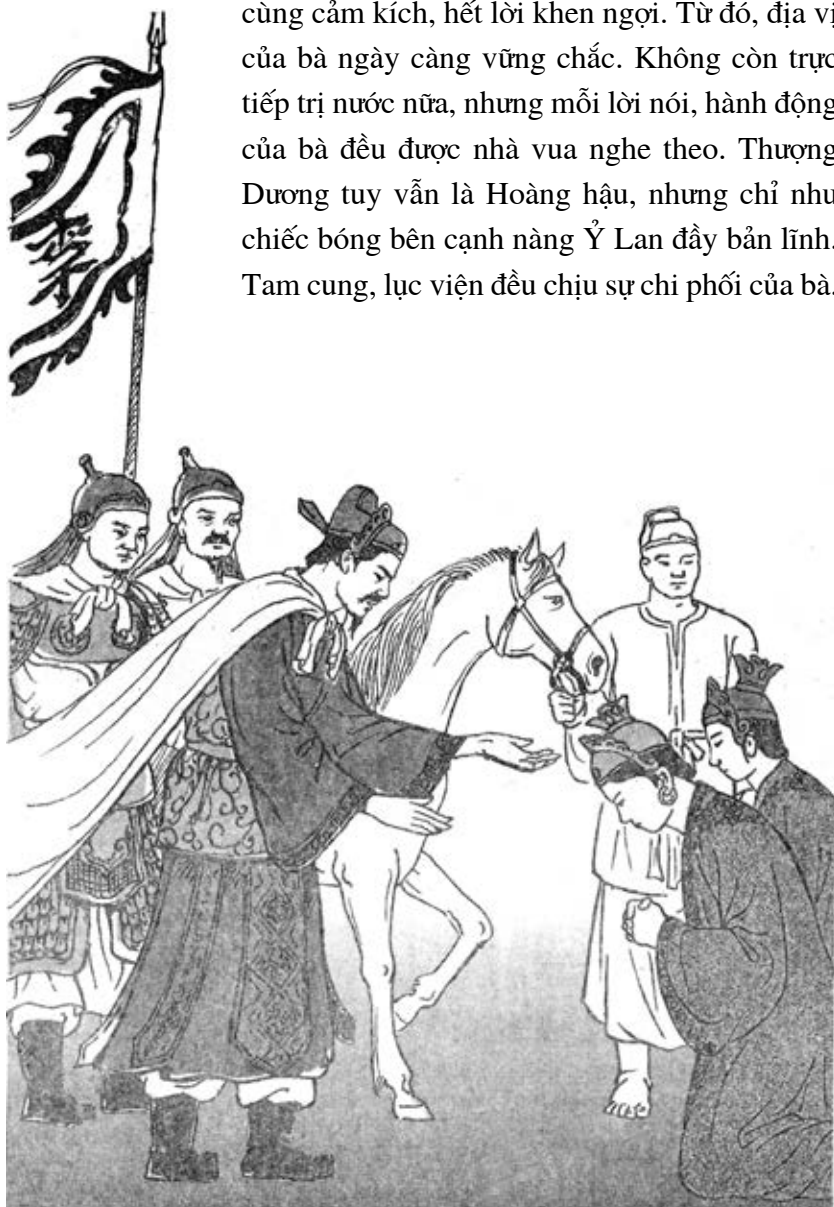
Nói đoạn, nhà vua cho quân quay lại tiếp tục chiến đấu.



Quân Đại Việt thắng hết trận này đến trận khác, cuối cùng bắt sống được vua Chiêm Thành là Chế Củ. Đoàn quân ca khúc khải hoàn trở về nước.



Gặp lại Nguyên phi, vua Lý Thánh Tông vô cùng cảm kích, hết lời khen ngợi. Từ đó, địa vị của bà ngày càng vững chắc. Không còn trực tiếp trị nước nữa, nhưng mỗi lời nói, hành động của bà đều được nhà vua nghe theo. Thượng Dương tuy vẫn là Hoàng hậu, nhưng chỉ như chiếc bóng bên cạnh nàng Ý Lan đầy bản lĩnh. Tam cung, lục viện đều chịu sự chi phối của bà.



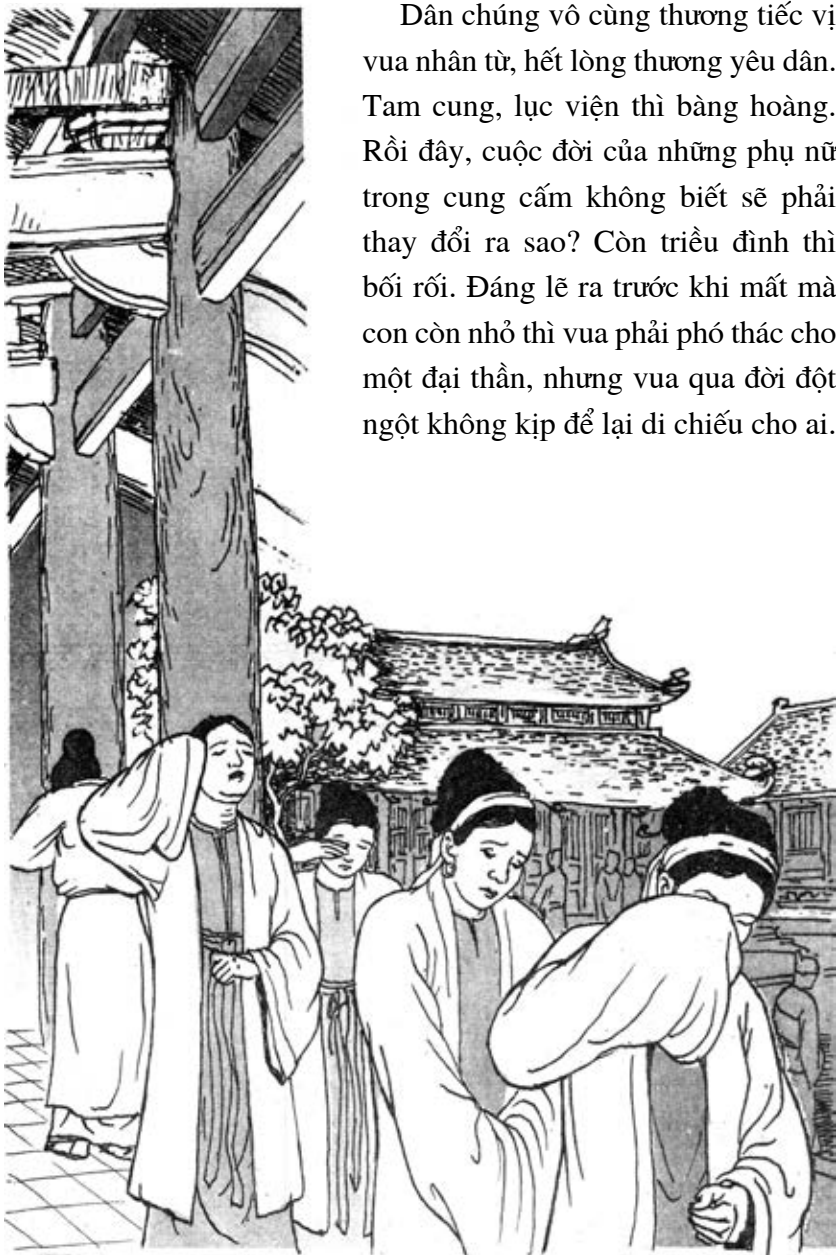


Lý Thường Kiệt^(*) sau khi giúp vua đánh thắng Chiêm Thành cũng rất được tin dùng. Ông được cất nhắc lên chức Thái phó (địa vị thứ ba trong triều) rồi đến Thái úy (địa vị thứ hai), chỉ đứng sau Thái sư Lý Đạo Thành. Ngoài ra, ông còn được nhà vua nhận làm con nuôi nên được đứng vào hàng vương.

(*) Xem tập Lý Thường Kiệt sau tập này.

Tháng Chạp năm Tân Hợi, vua Lý Thánh Tông lâm bệnh. Y Lan hết mình chăm sóc, không nề hà việc thức khuya dậy sớm. Quan ngự y và cả triều đình lo lắng. Rồi nhà vua dần dần khỏe lại. Bất ngờ, qua tháng sau ngài trở bệnh và đột ngột băng hà ở điện Động Tiên ngày 1 tháng 2 năm 1072.





Dân chúng vô cùng thương tiếc vị vua nhân từ, hết lòng thương yêu dân. Tam cung, lục viện thì bàng hoàng. Rồi đây, cuộc đời của những phụ nữ trong cung cấm không biết sẽ phải thay đổi ra sao? Còn triều đình thì bối rối. Đáng lẽ ra trước khi mất mà con còn nhỏ thì vua phải phó thác cho một đại thần, nhưng vua qua đời đột ngột không kịp để lại di chiếu cho ai.

Thái Tử Càn Đức kế vị còn nhỏ tuổi, cần có người phụ chính và chấp chính. Người phụ chính tất nhiên là Thái sư Lý Đạo Thành, người đã ở ngôi Tể tướng trong 18 năm, kéo dài suốt cả triều đại vua Lý Thánh Tông. Nhưng theo lệ quy định thời đó, ngoài vị quan phụ chính ra, nếu vua lên ngôi khi còn quá nhỏ thì Thái hậu được quyền buông rèm nhiếp chính.



Việc buông mình nhiếp chính này được gọi là thùy liêm. Tức là Hoàng thái hậu sẽ ngồi sau màn để nghe quần thần tâu bày chính sự và là người quyết định thay vua. Vậy vị trí ấy sẽ là của ai đây? Là Thượng Dương, vừa là hoàng hậu, vừa là đích mẫu của Thái tử hay là Ý Lan, tuy là sinh mẫu, nhưng chỉ là một bà phi?



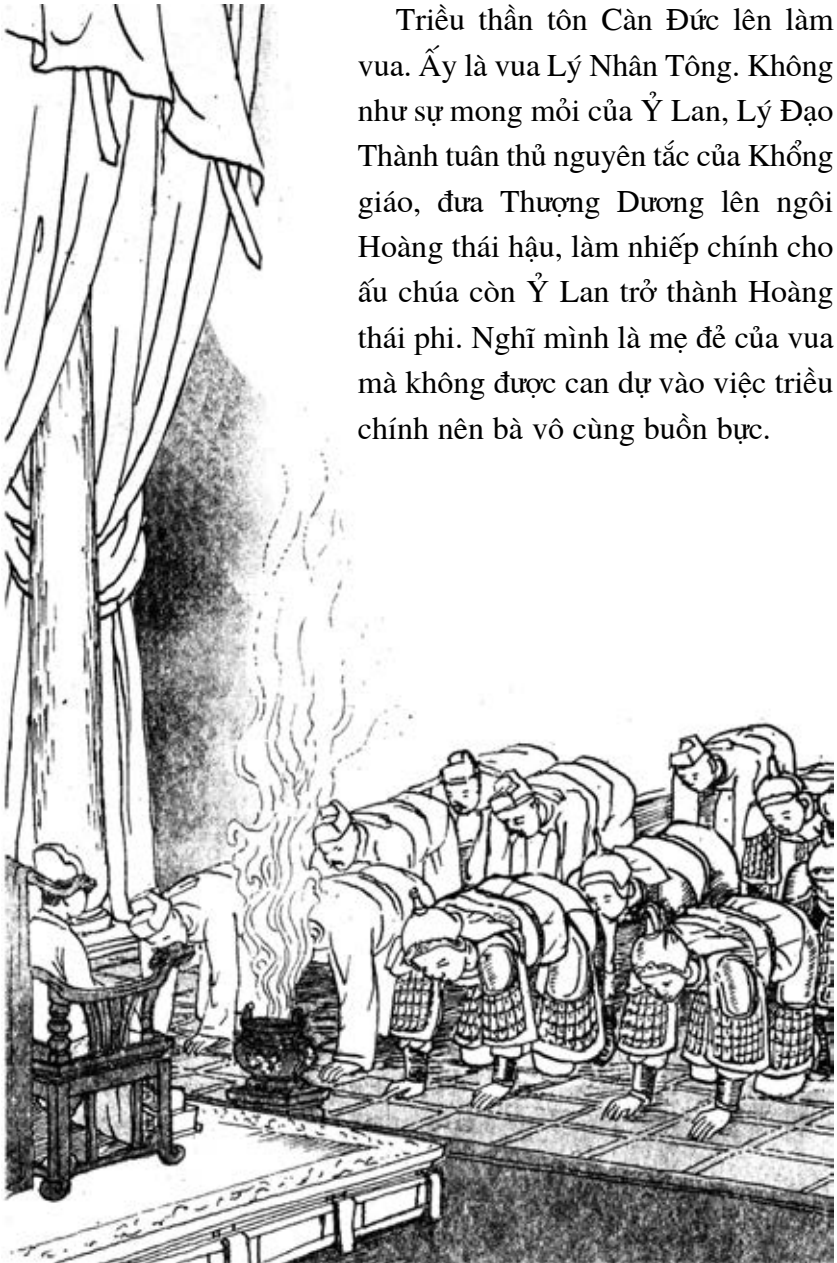


Trong triều có hai khuynh hướng. Nhóm thứ nhất do Thái sư Lý Đạo Thành đứng đầu. Lý Đạo Thành là một nhà Nho, tuân theo kỷ cương Khổng giáo, tôn trọng việc chính danh. Ông cho rằng Thượng Dương là Hoàng hậu thì đương nhiên trở thành Hoàng thái hậu và sẽ chấp chính. Còn Ý Lan sẽ là Hoàng thái phi, không thể có quyền hành hơn Thượng Dương được.

Nhóm thứ hai là một liên kết giữa Lý Thường Kiệt cùng Nguyên phi Ỗ Lan. Đã từng được vua Lý Thánh Tông ủy quyền trị nước ba năm trước (1069), bà rất hi vọng lần này sẽ được nhiếp chính, nhất là có sự ủng hộ của Lý Thường Kiệt, con nuôi của vua và là một vị tướng nắm tất cả quyền binh quân sự. Nhưng tất cả còn tùy thuộc vào quyết định của Thái sư, người đứng đầu hàng ngũ quan lại.



Triều thần tôn Càn Đức lên làm vua. Ấy là vua Lý Nhân Tông. Không như sự mong mỏi của Ý Lan, Lý Đạo Thành tuân thủ nguyên tắc của Khổng giáo, đưa Thượng Dương lên ngôi Hoàng thái hậu, làm nhiếp chính cho ấu chúa còn Ý Lan trở thành Hoàng thái phi. Nghĩ mình là mẹ đẻ của vua mà không được can dự vào việc triều chính nên bà vô cùng buồn bực.



Cần Đức tuy đã lên ngôi báu nhưng vẫn là một đứa trẻ hàng ngày được Ý Lan săn sóc, chăm chút. Những lúc ấy bà thường than vãn cùng vua: “Mẹ già đã khó nhọc nuôi nấng con mới có ngày nay. Nay được phú quý thì người khác giành mất chỗ. Con sẽ đặt mẹ già vào chỗ nào?” Vua Nhân Tông hàng ngày nghe mẹ nói cũng cảm thấy có lý.

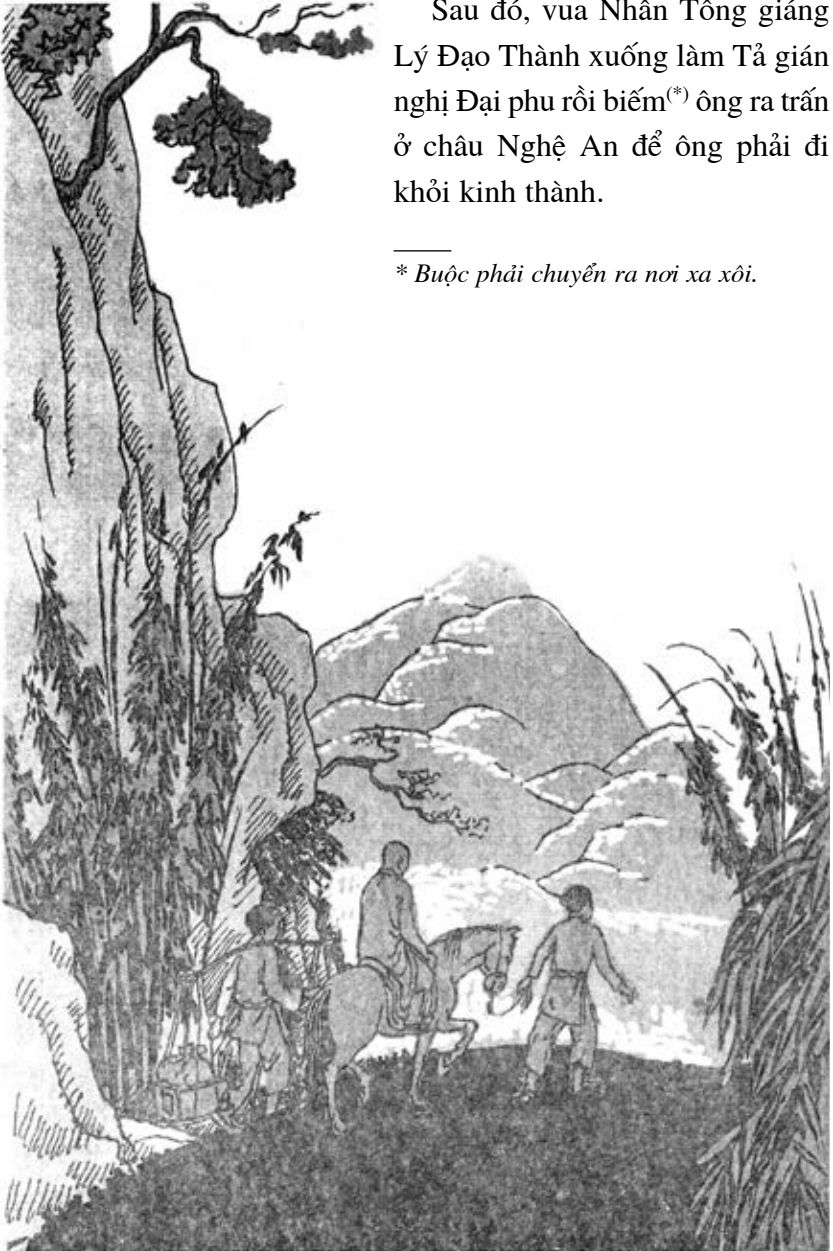


Thế là bốn tháng sau khi lên ngôi, một hôm vào ngày lễ Phật Đản, lúc làm lễ tắm tượng Phật xong, vua Lý Nhân Tông thăng đường ở điện Thiên An, tuyên bố tôn Ý Lan lên làm Linh nhân Hoàng thái hậu, thăng Lý Thường Kiệt lên làm Tể chấp (Tể tướng) và truất quyền nhiếp chính của Thượng Dương.



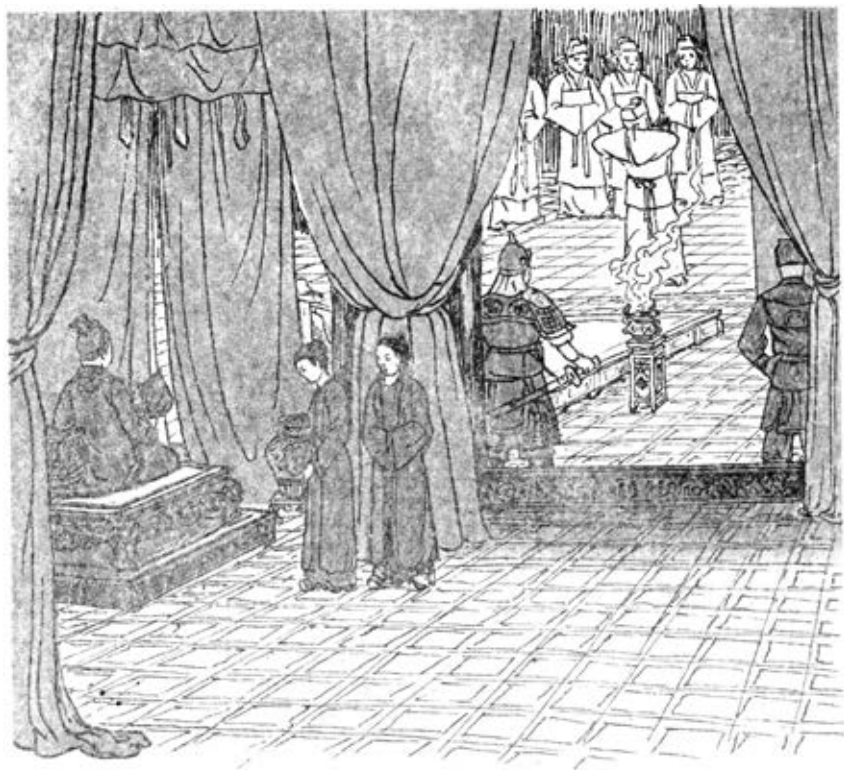
Sau đó, vua Nhân Tông giáng Lý Đạo Thành xuống làm Tả gián nghị Đại phu rồi biếm^(*) ông ra trấn ở châu Nghệ An để ông phải đi khỏi kinh thành.

** Buộc phải chuyển ra nơi xa xôi.*



Khi ấy, theo tục lệ, linh cữu của vua Lý Thánh Tông vẫn còn
quần để các nhà sư tụng kinh niệm Phật cầu siêu cho nhà vua và
đợi ngày lành tháng tốt mới đem chôn. Vào tháng 7 năm ấy, lễ an
táng vua Lý Thánh Tông được cử hành. Bà Thượng Dương cùng
72 thị nữ bị ép phải chết theo để hầu nhà vua ở bên kia thế giới.





Thế là Linh Nhân Hoàng thái hậu lên làm nhiếp chính, buông rèm điều hành chính sự. Là người tài giỏi, lại được Lý Thường Kiệt giúp sức, Linh Nhân quyết định mọi việc đều chu toàn, không ai oán thán. Tuy thế, lòng bà không ngớt day dứt về cái chết của Thượng Dương và 72 thị nữ.

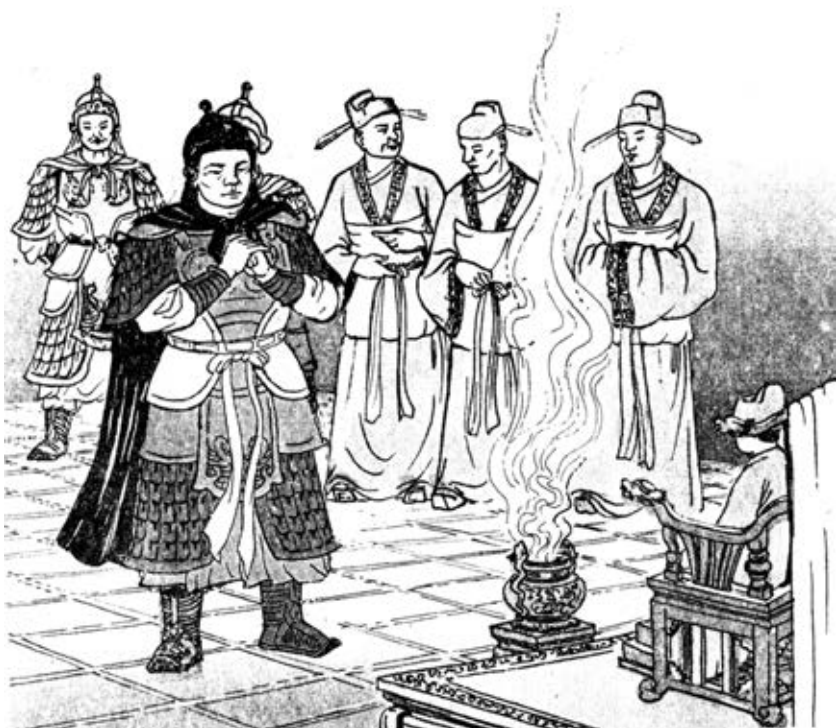
Còn Lý Đạo Thành bị biếm ra Nghệ An, trong lòng uất ức nhưng không phản kháng gì, chỉ ôm theo bài vị của vua Lý Thánh Tông và lập một viện Địa Tạng, để bài vị của vua vào thờ chung với Phật. Ý ông muốn chứng tỏ tấm lòng trong sạch, trung với vua và hết lòng vì dân vì nước của mình. Lý Đạo Thành vốn là một vị lão thành được giới sĩ phu ngưỡng vọng. Vì thế, việc ông bị biếm ra Nghệ An đã gây mất đoàn kết trong các quần thần.



Tin tức về sự lục đục trong nội bộ triều đình Đại Việt đã lọt ra ngoài biên giới. Lợi dụng cơ hội, vào năm 1074, quân Chiêm Thành lại quấy nhiễu vùng biên cương phía Nam, còn nhà Tống ở phương Bắc thì âm mưu đánh chiếm Đại Việt để tạo thanh thế.



Vào năm 1075, nghe tin quân Tống sắp khởi binh để đánh chiếm Đại Việt, Lý Thường Kiệt liền áp dụng binh pháp: “*Trước khi người có bụng cướp mình, thì chi bằng mình đánh trước*”. Ông tâu cùng vua Nhân Tông và Nhiếp chính Linh Nhân cho xuất quân đánh thẳng vào tận đất giặc khi chúng tràn xuống Đại Việt, để giành yếu tố bất ngờ lúc chúng còn chưa chuẩn bị kỹ càng.



Không thể chống giặc trong khi triều đình vẫn còn mất đoàn kết, nghe lời Lý Thường Kiệt, Linh Nhân quyết tâm hàn gắn nhân tâm. Bà cho gọi Lý Đạo Thành trở về coi việc chính sự, một là để gây lại khối đoàn kết trong quần thần làm an lòng tướng sĩ; hai là để có người tài giúp điều hành đất nước, giữ vững hậu phương. Lý Đạo Thành nhận được lệnh, tuy trong lòng chưa quên chuyện cũ, nhưng ông gạt bỏ tất cả vì an nguy của xã tắc.



Lý Đạo Thành trở lại kinh đô Thăng Long, giữ chức Thái phó Bình chương quân quốc trọng sự, nhận lãnh trọng trách trị nước bên cạnh Linh Nhân. Linh Nhân cũng thực lòng hối hận chuyện quá khứ, bà đặt lòng tin vào Lý Đạo Thành và cùng ông bàn bạc mọi việc. Vì cùng chung một tấm lòng vì dân, vì nước, hiềm khích cũ giữa hai người đã được cởi bỏ.





Linh Nhân cùng Lý Đạo Thành dốc sức lo việc nước. Họ chọn những người hiền lương cho ra làm quan, mọi chính sách đều đề cao lợi ích của dân. Nhờ thế, trăm họ sung túc. Nền kinh tế trong nước đã đủ mạnh để cung cấp sức người, sức của cho cuộc hành quân vệ quốc của Lý Thường Kiệt.

Sau sáu tháng xuất chinh phá hủy các căn cứ hậu cần dùng cho việc đánh Đại Việt của nhà Tống ở Ung châu và Liêm châu, Lý Thường Kiệt đại thắng đem quân trở về. Sau đó, Linh Nhân Thái hậu cùng Lý Thường Kiệt và Lý Đạo Thành lập tức lo việc phòng bị ở những nơi xung yếu để chờ quân Tống kéo sang.





Quả nhiên, cuối năm 1076, quân Tống ồ ạt tiến đánh nước ta. Linh Nhân giao cho Lý Thường Kiệt chỉ huy các mặt trận, Lý Đạo Thành gánh vác việc nội trị, còn bà đảm nhận việc tiếp tế hậu cần. Nhờ đoàn kết, quân dân Đại Việt đã đẩy lùi được quân Tống ra khỏi bờ cõi. Từ đấy, đất nước bình yên, nhân dân sống trong cảnh thanh bình.



Linh Nhân cùng Lý Đạo Thành ra sức rèn luyện vị vua trẻ tuổi thuật trị nước. Năm 1075, khoa thi Nho học đầu tiên của Đại Việt được tổ chức và Lê Văn Thịnh, một người uyên bác đã đỗ đầu. Linh Nhân và Lý Đạo Thành chọn ông vào dạy cho ấu chúa, lúc ấy đã 10 tuổi. Vốn là người thông minh, nhân hậu, vua Lý Nhân Tông lĩnh hội được sự tinh hoa giáo huấn và trở thành một trong những vị vua hiền đời Lý.



Lý Đạo Thành còn khuyên vua nên trọng vọng các bậc lão thành, vua nghe theo, hạ chiếu cho phép những công thần đã 80 tuổi, mỗi khi vào chầu, được phép chống gậy và ngồi ghế. Lý Đạo Thành một lòng phò tá vua cho đến những ngày cuối cùng của đời mình. Khi Lý Nhân Tông gần đến tuổi trưởng thành thì ông qua đời (1081), để lại cho hậu thế tấm gương sáng của một nhà Nho, gạt bỏ được hận riêng mà tận tụy cho dân, cho nước.



Còn lại Linh Nhân nhiếp chính cho vua. Tuy thế, lúc này nhà vua cũng đã tự điều hành được việc trị nước, hơn nữa lại có Lý Thường Kiệt bên cạnh nên Linh Nhân không còn phải lo lắng như trước. Bà vốn là người sùng đạo Phật nên thường vân các cảnh chùa danh tiếng, đồng thời cũng để tìm hiểu cuộc sống của dân chúng. Bà rất ham học hỏi, muốn biết tường tận giáo lý đạo Phật.



Bà có vai trò quan trọng trong việc phát huy Phật giáo thời ấy. Sử ghi lại rằng, trong một tiệc chay thiết đãi chư tăng, bà hỏi:

- Nghĩa hai chữ Phật và Tổ là thế nào? Đạo tới xứ ta đòi nào? Truyền thụ đạo ấy, ai trước ai sau?

Có vị sư hiệu là Trí Không, giảng giải cho Thái hậu:

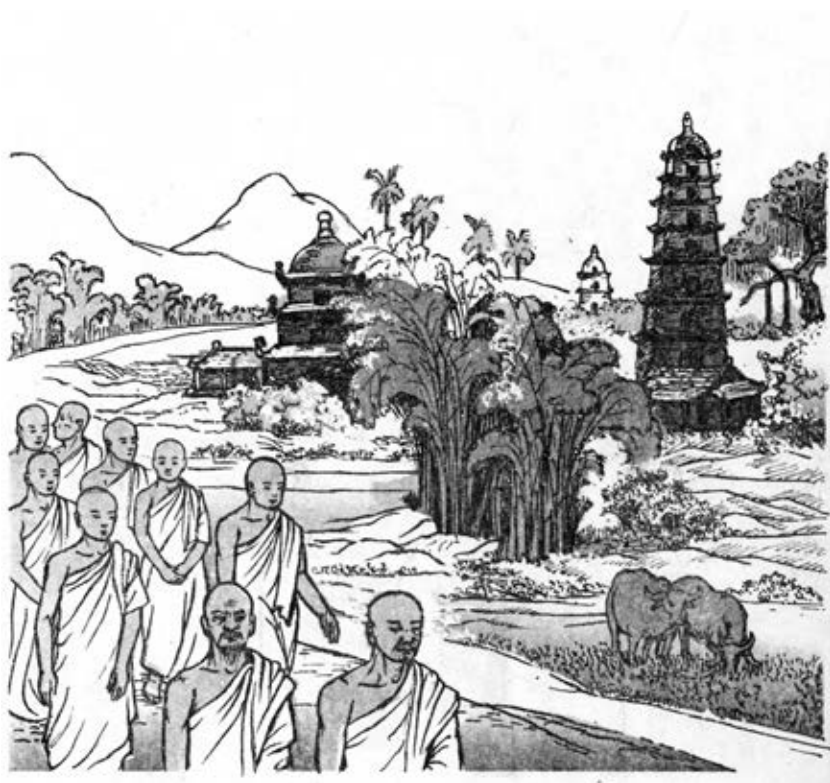
- Phật và Tổ là một. Phật giáo hai dòng, một là Giáo tông, một là Thiền tông. Giáo tông trước đây có Mâu Bác và Khương Tăng Hội là đầu, dòng thiền có Tỳ Ni Đa Lưu Chi và sau đó là Vô Ngôn Thông.



Sư Trí Không còn cho Thái hậu biết một điều quan trọng: Vào thế kỷ thứ V, vua Tề nước Trung Hoa (479 - 483) tưởng là thời ấy người Việt chưa biết gì đến Phật giáo nên một hôm nói với chư tăng rằng:

- Giao Châu là một xứ bị ràng buộc^(*), nên chọn các nhà sư danh tiếng sang đó để giáo hóa.

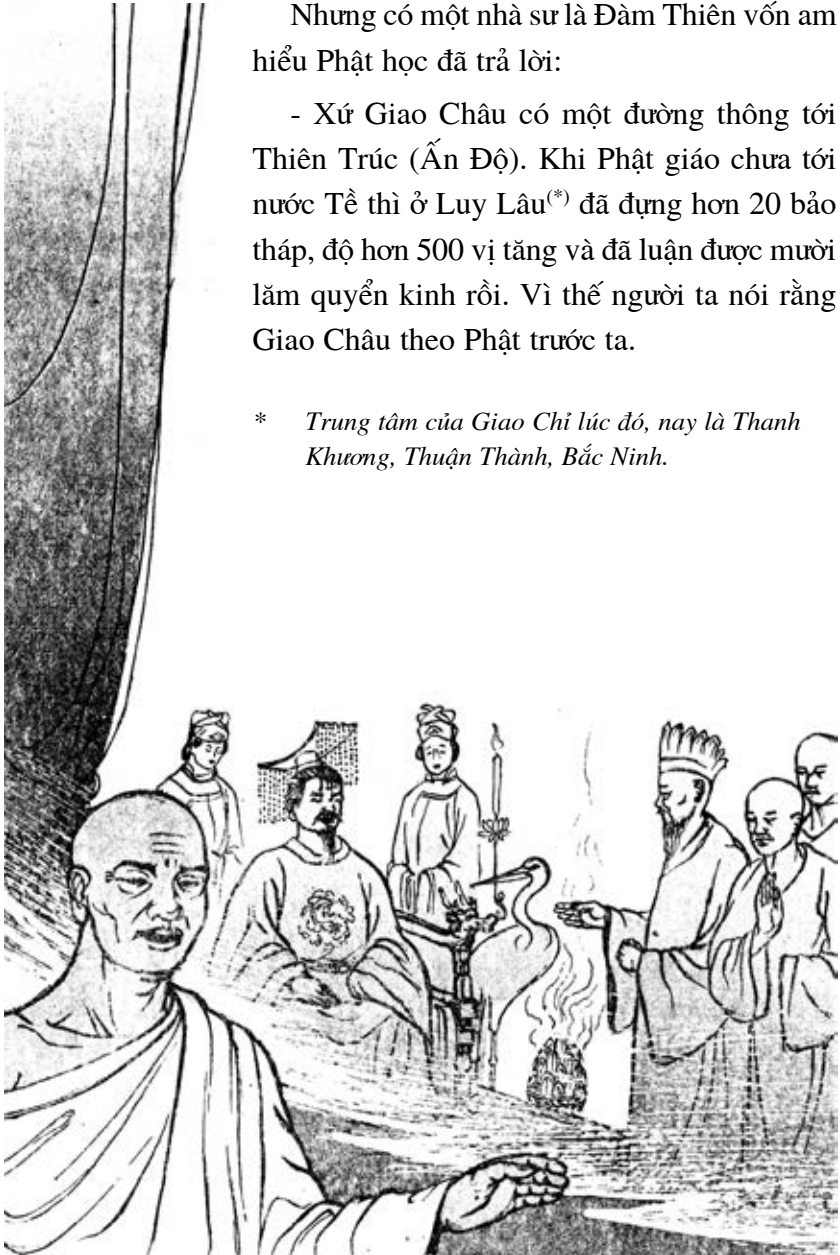
(*) Khi ấy Giao Châu đang bị phong kiến phương Bắc đô hộ.



Nhưng có một nhà sư là Đàm Thiên vốn am hiểu Phật học đã trả lời:

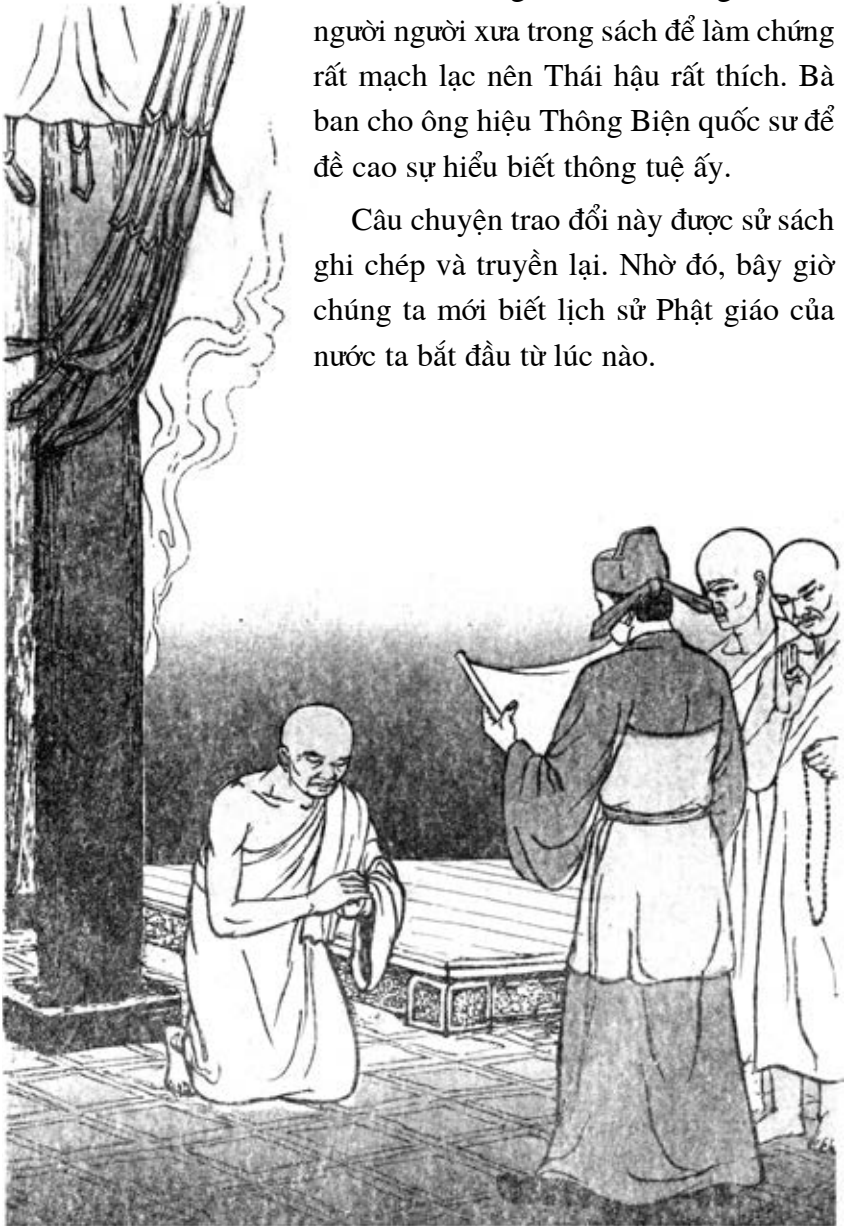
- Xứ Giao Châu có một đường thông tới Thiên Trúc (Ấn Độ). Khi Phật giáo chưa tới nước Tề thì ở Luy Lâu^(*) đã dựng hơn 20 bảo tháp, độ hơn 500 vị tăng và đã luận được mười lăm quyển kinh rồi. Vì thế người ta nói rằng Giao Châu theo Phật trước ta.

* Trung tâm của Giao Chỉ lúc đó, nay là Thanh Khương, Thuận Thành, Bắc Ninh.

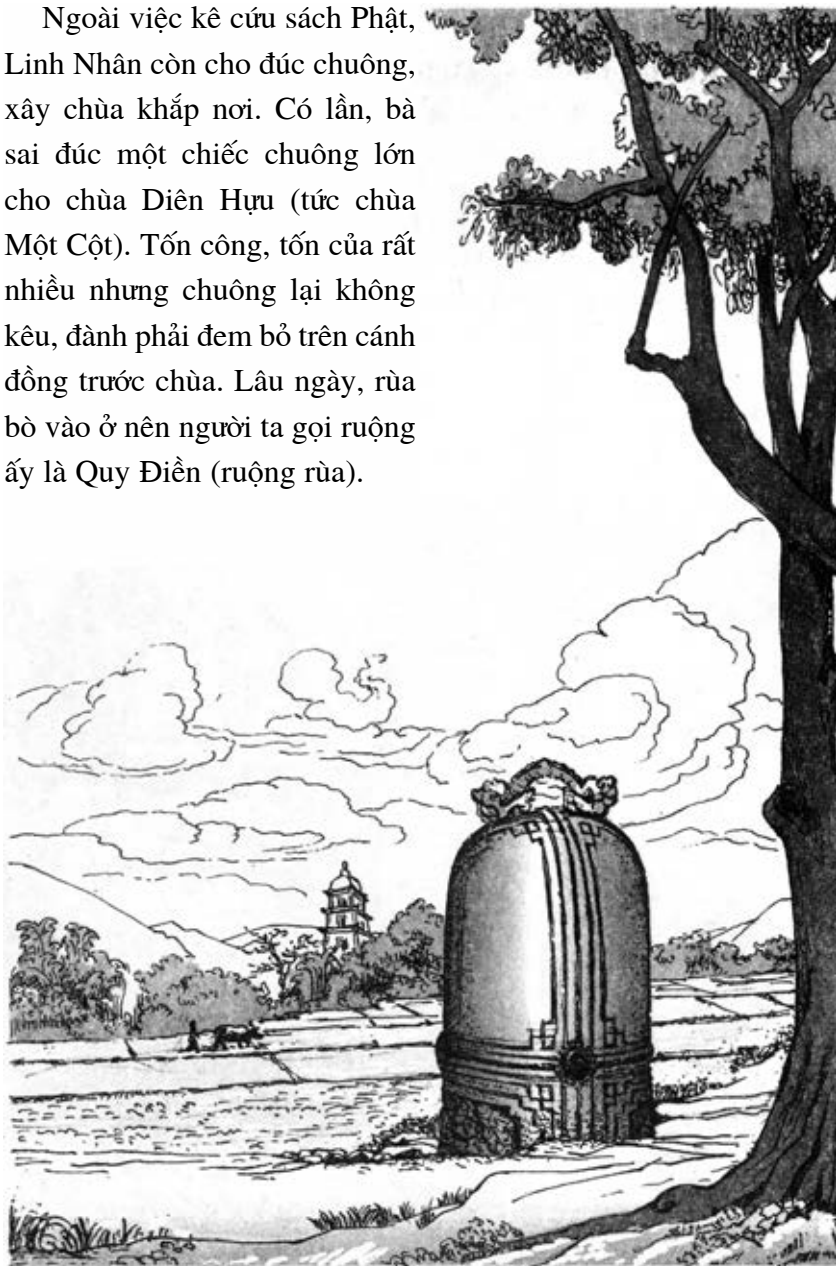


Sư Trí không còn dẫn những lời của người người xưa trong sách để làm chứng rất mạch lạc nên Thái hậu rất thích. Bà ban cho ông hiệu Thông Biện quốc sư để đề cao sự hiểu biết thông tuệ ấy.

Câu chuyện trao đổi này được sử sách ghi chép và truyền lại. Nhờ đó, bây giờ chúng ta mới biết lịch sử Phật giáo của nước ta bắt đầu từ lúc nào.



Ngoài việc kê cứu sách Phật, Linh Nhân còn cho đúc chuông, xây chùa khắp nơi. Có lần, bà sai đúc một chiếc chuông lớn cho chùa Diên Hựu (tức chùa Một Cột). Tốn công, tốn của rất nhiều nhưng chuông lại không kêu, đành phải đem bỏ trên cánh đồng trước chùa. Lâu ngày, rùa bò vào ở nên người ta gọi ruộng ấy là Quy Điền (ruộng rùa).

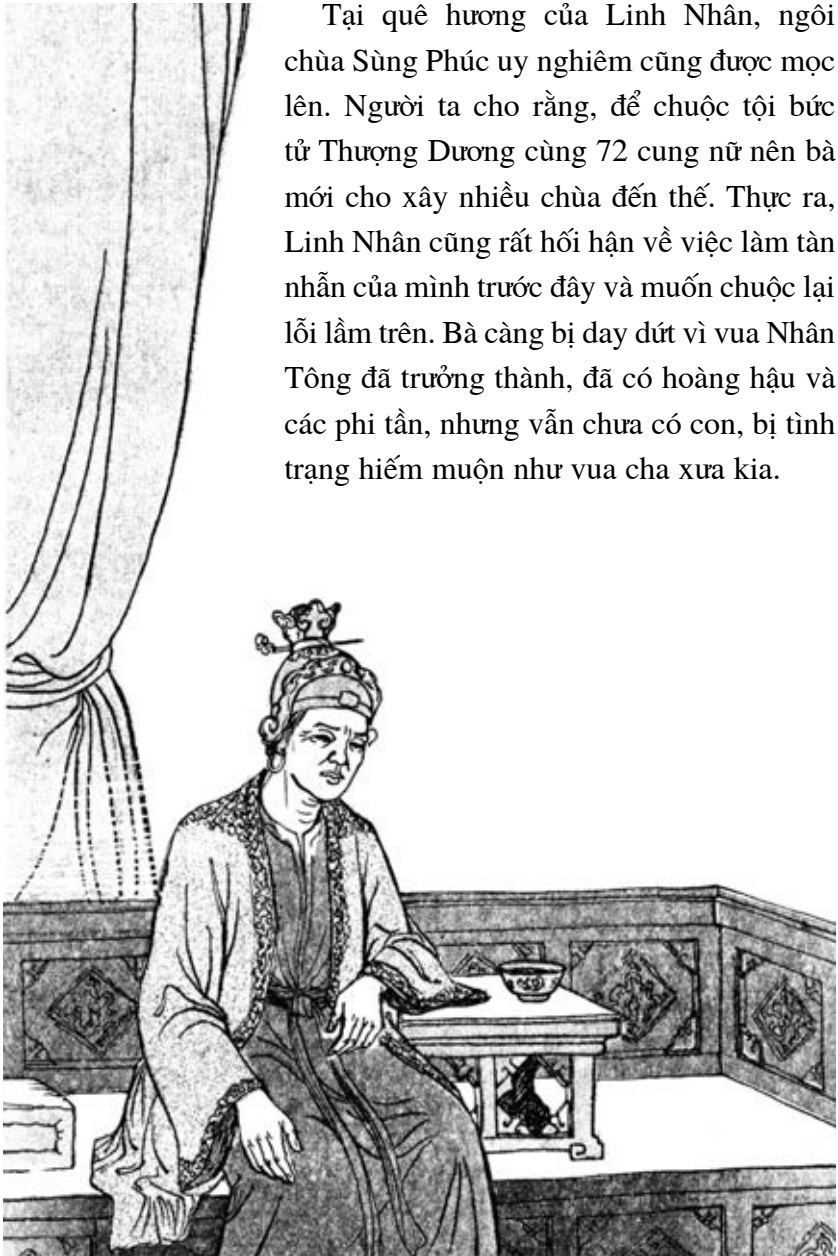


Không năm nào mà Linh Nhân không xây và tu bổ lại chùa. Nhất là vào những năm được mùa, chùa, tháp mọc lên liên tiếp ở những nơi danh lam thắng cảnh như núi Tiên Du (Bắc Ninh), An Lão (Kiến An)... Chùa Diên Hựu cũng được trùng tu và xây thêm hai tháp lớp bằng ngói sứ trắng.





Tại quê hương của Linh Nhân, ngôi chùa Sùng Phúc uy nghiêm cũng được mọc lên. Người ta cho rằng, để chuộc tội bức tử Thượng Dương cùng 72 cung nữ nên bà mới cho xây nhiều chùa đến thế. Thực ra, Linh Nhân cũng rất hối hận về việc làm tàn nhẫn của mình trước đây và muốn chuộc lại lỗi lầm trên. Bà càng bị day dứt vì vua Nhân Tông đã trưởng thành, đã có hoàng hậu và các phi tần, nhưng vẫn chưa có con, bị tình trạng hiếm muộn như vua cha xưa kia.



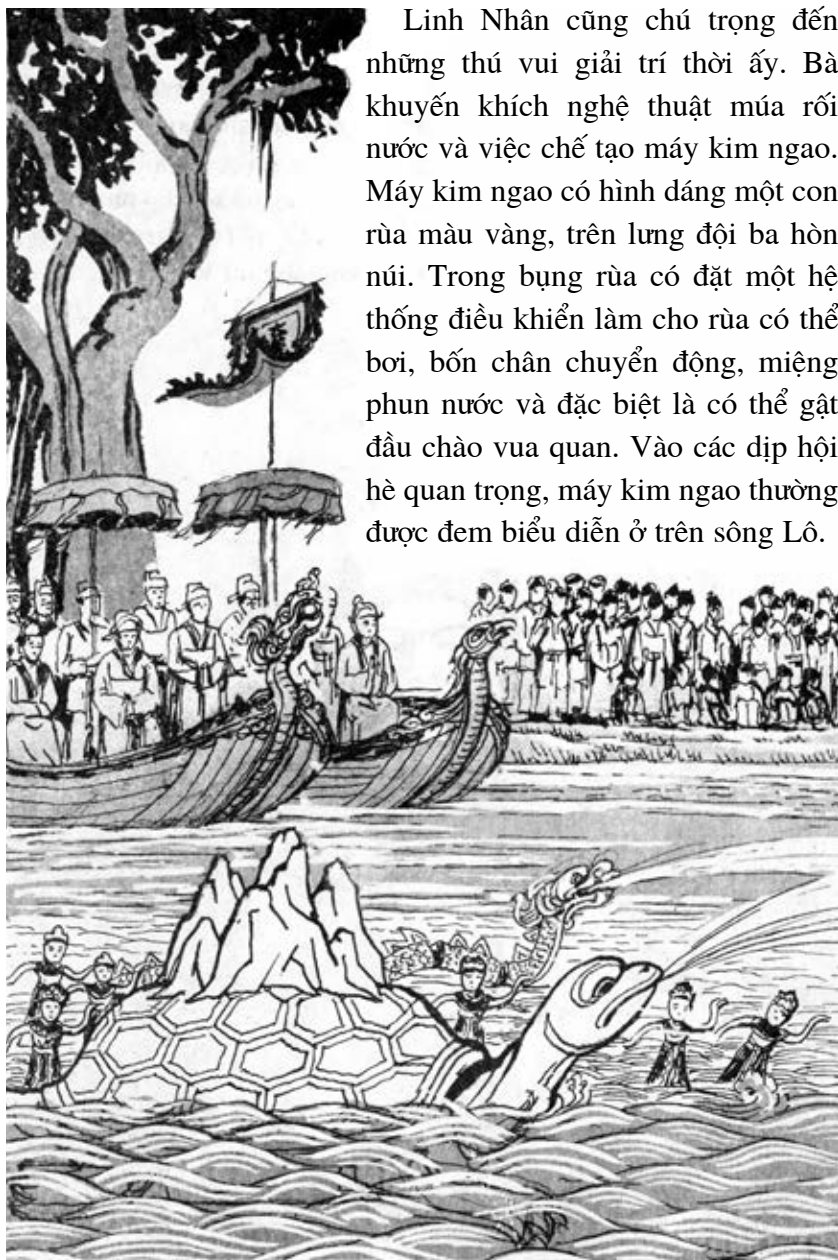
Trừ việc làm nói trên thì bà là người nhân hậu. Vốn xuất thân từ thôn quê, hiểu được cảnh sống của người nghèo và thông cảm cho cuộc đời của các cô gái dân dã, Linh Nhân đã lấy tiền trong kho ra chuộc những người con gái vì nghèo phải đem thân thế nợ, rồi tìm những người đàn ông góa vợ để dựng vợ gả chồng cho họ. Việc làm này đã đem lại hạnh phúc cho biết bao người.





Để tiếp tục giữ gìn sức kéo trong nông nghiệp, bà khuyên vua Lý Nhân Tông phạt tội những kẻ trộm trâu và giết trâu. Bà nói: “Trước đây ta từng mách việc ấy và Nhà nước đã ra lệnh cấm, nhưng nay việc giết trâu lại có nhiều hơn trước. Nông dân cùng quần, mấy nhà phải cày chung một con trâu”.

Vì thế, lệnh ban ra, phạt rất nặng những người giết trâu và trộm trâu, ngay cả vợ con và hàng xóm của can phạm nếu không tố giác cũng bị tội.



Linh Nhân cũng chú trọng đến những thú vui giải trí thời ấy. Bà khuyến khích nghệ thuật múa rối nước và việc chế tạo máy kim ngao. Máy kim ngao có hình dáng một con rùa màu vàng, trên lưng đội ba hòn núi. Trong bụng rùa có đặt một hệ thống điều khiển làm cho rùa có thể bơi, bốn chân chuyển động, miệng phun nước và đặc biệt là có thể gật đầu chào vua quan. Vào các dịp hội hè quan trọng, máy kim ngao thường được đem biểu diễn ở trên sông Lô.

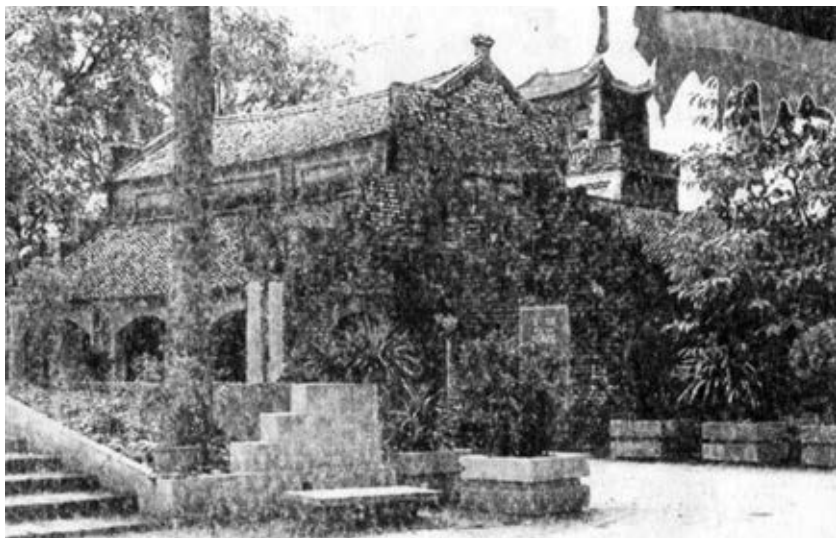
Năm 1117, vào mùa thu, Ý Lan - Linh Nhân từ trần, được hỏa táng ở Thọ Lăng, phủ Thiên Đức (đền Lý Bát Đế, thị xã Từ Sơn, Bắc Ninh). Cuộc đời bà có một sai lầm trong việc tranh giành quyền lực, nhưng bà đã đem hết tâm trí ra để giúp chồng, giúp con xây dựng đất nước ngày một hưng thịnh và đem lại cuộc sống ấm no cho muôn dân. Bà đã được dân chúng tôn là Quan Âm Nữ, là cô Tấm (trong truyện Tấm Cám). Bà góp phần làm sáng danh cho phụ nữ Việt Nam.





Lễ hội tưởng niệm Nguyên phi Ỗ Lan tại chùa Bà Tấm lúc chàng Sùng Phúc hay còn gọi là Linh Nhân Từ Phúc, được xây dựng từ thời Lý tại Dương Xá, Gia Lâm, Hà Nội.

Ảnh: Mạnh Hà, báo Sài Gòn Giải phóng ngày 29-4-1999



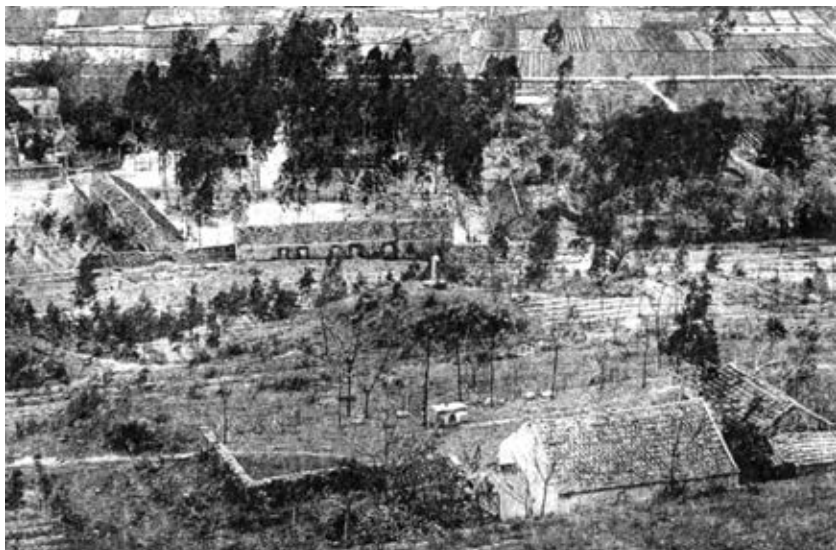
Đền thờ Bà Ỗ Lan tại khuôn viên chùa Bà Tấm.

Ảnh: Khu di tích Nguyên phi Ỗ Lan.



Tượng Y Lan tại đền trong chùa Bà Tấm.

Ảnh: Khu di tích Nguyên phi Y Lan.



Toàn cảnh chùa Dạm tức chùa Cảnh Long Đồng Khánh hay chùa Tấm Cắm, chùa Thần Quang ở Nam Sơn, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Ảnh: Sách Những ngôi chùa nổi tiếng Việt Nam.



Điện thờ Nguyên phi Ý Lan trong chùa Sãi.

Ảnh: Sách Những ngôi chùa nổi tiếng Việt Nam.



Tượng Linh Nhân Hoàng Thái hậu trong chùa Dạm.

Ảnh: Sách Những ngôi chùa nổi tiếng Việt Nam.



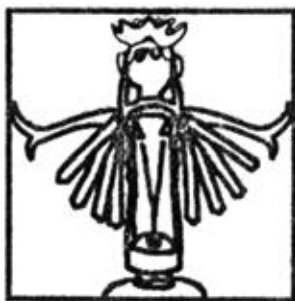
Chùa Sãi tức chùa Sùng Phúc hay chùa Phú Thị, được xây dựng vào thời Lý tại Phú Thị, Gia Lâm, Hà Nội.

Ảnh: Nguyễn Huy Khôi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

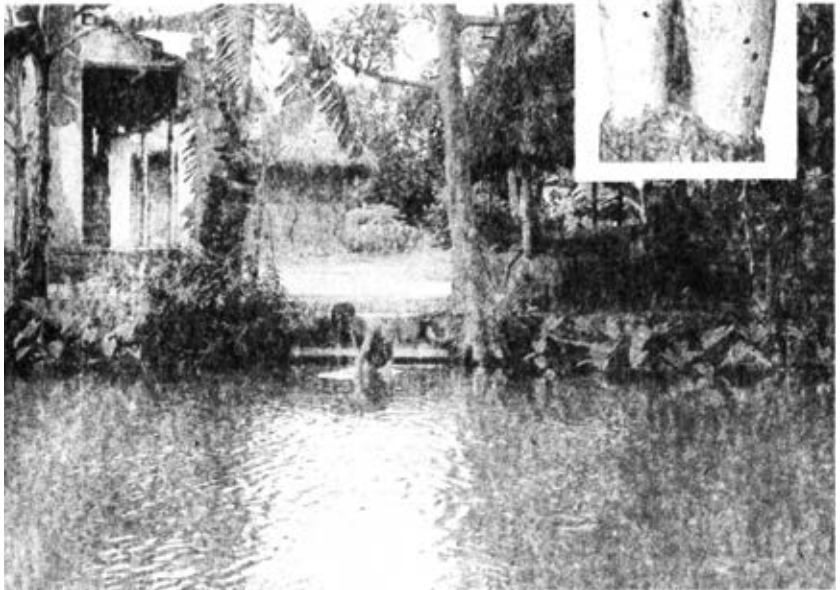
- *Làng xã ngoại thành Hà Nội*, Bùi Thiết, Hà Nội, 1980
- *Nam quốc vĩ nhân truyện*, Cung Thúc Thiềm, Sài Gòn, 1968
- *Việt Sử khảo lược*, Dương Ky, Thuận Hóa, 1971
- *Đại Việt sử ký thư*, Bản dịch, Hà Nội, 1971
- *Việt Nam văn hóa sử cương*, Đào Duy Anh, Sài Gòn, 1961
- *Danh nhân nhà nước*, Đào Văn Hội, Sài Gòn, 1951
- *Thành cổ Việt Nam*, Đỗ Văn Ninh, Hà Nội, 1983
- *Tổ tiên ta đánh giặc*, Học viện quân sự, Tây Ninh, 1975
- *Việt sử kinh nghiệm*, Lạc Tử Nguyễn Văn Hầu, Sài Gòn, 1957
- *Đại cương lịch sử Việt Nam*, Lê Mậu Hân (chủ biên), Hà Nội, 1998
- *Lịch sử Việt Nam tập 1*, Nhiều tác giả, Hà Nội, 1971
- *Việt sử tiền án*, Ngòi Thời Sỹ, Bản dịch, Sài Gòn, 1960
- *Danh tướng Việt Nam*, Nguyễn Khắc Thuần, TP Hồ Chí Minh, 1996
- *Các triều đại Việt Nam*, Quỳnh Cư - Đỗ Đức Hùng, Hà Nội, 1995
- *Những nhân vật nổi tiếng trong lịch sử Việt Nam*, Tôn Nữ Quỳnh Trân (chủ biên), TP. Hồ Chí Minh, 1993
- *Lịch sử Việt Nam, giáo trình dành cho ngành du lịch*, Tôn Nữ Quỳnh Trân, TP Hồ Chí Minh, 1997
- *Việt Nam sử lược*, Trần Trọng Kim Sài Gòn, 1964

PHỤ LỤC
MÚA RỐI NƯỚC



Múa rối nước là loại hình sân khấu dân gian đặc sắc của Việt Nam (ở Nam Trung Quốc cũng từng có nhưng đã thất truyền cách đây vài thế kỷ). Trong khi các dân tộc khác biểu diễn múa rối trên nền sân cứng, sàn gỗ, phong vải hay treo rối trên dây thì chỉ riêng người Việt dùng mặt nước ao làm sân diễn.

Vùng châu thổ sông Hồng vốn là địa bàn sông nước. Đâu đâu cũng thấy sông ngòi, bờ, ao, đầm... Người Việt sinh sống bằng lúa nước và vui chơi cùng sông nước. Hằng năm, vào dịp hội làng, các mặt ao là sân diễn thuận tiện cho sân khấu rối nước.



Cái ao của một gia đình nông dân.

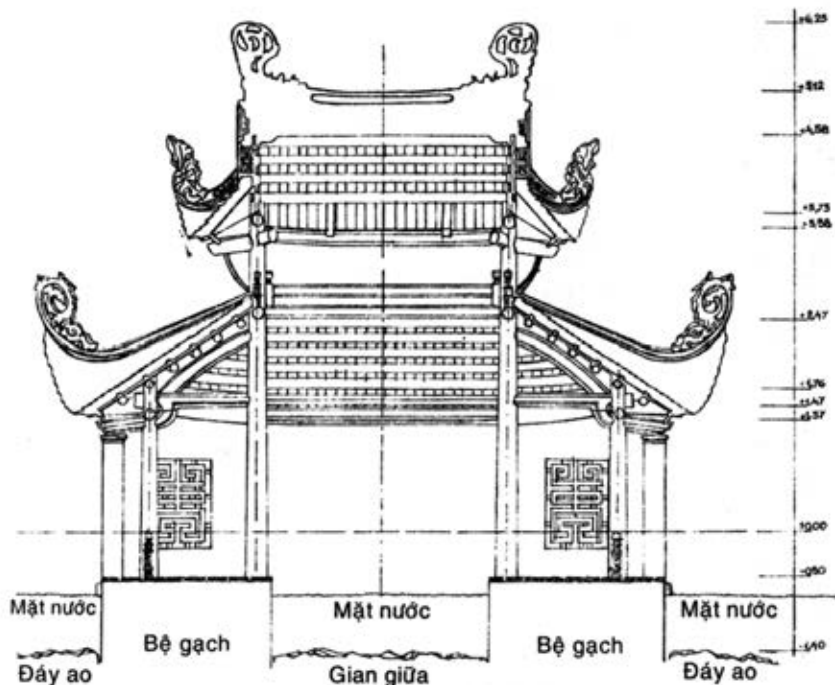
Chắc rằng rối nước ra đời từ rất xa xưa, nhưng chúng ta còn thiếu cứ liệu lịch sử. May thay cách đây gần 9 thế kỷ, vào thời Lý, trên tấm bia đá Sùng Thiện Diên Linh đã khắc những dòng chữ mô tả về rối nước trong buổi biểu diễn tại kinh thành Thăng Long cho nhà vua ngự lãm:

“Hàng nghìn chiếc thuyền bơi giữa dòng nhanh như chớp, muôn tiếng trống khua hòa nhịp với tiếng nước như sấm động... Làn nước rung rinh. Rùa vàng nổi lên đội ba quả núi, nước chảy nhịp nhàng, lộ vân trên vỏ và xòe bốn chân, nhe răng, trợn mắt, phun nước biểu diễn. Điệu say sưa trên mặt nước tràn đầy... Các thần tiên xuất hiện, nét mặt nhuần nhị thanh tân, há phải đâu vẻ đẹp của người trần thế. Tay nhỏ nhắn, mềm mại múa điệu Hồi phong. Nhíu mày biếc ca khúc Vận hội. Chim phượng có sừng hợp nhau thành đội ra múa may phô diễn. Hươu hợp thành đàn đi lại nhảy nhót...” (Lời bia trích trong *Lịch sử Việt Nam tập I*, Trang 166, NXB Khoa học xã hội, 1971). Điều đó chứng tỏ, vào thời Lý, múa rối nước đã khá phát triển.



Bia Sùng Thiện Diên Linh thời Lý - 1121 tại chùa Long Đọi, Duy Tiên, Hà Nam.

Ảnh: Phạm Ưông.



*Thủy đình chùa Thầy, mặt cắt dọc theo hướng Đông - Tây
(hướng chính diện).*

Để có thể biểu diễn, sân khấu rối nước cần ba yếu tố cơ bản: buồng trò, sân khấu nước và chỗ cho khán giả. Trong đó buồng trò là quan trọng nhất. Người ta thường gọi đó là Thủy đình - cái đình mọc lên từ nước. Nền đình gồm hai bệ gạch hai bên để làm chỗ ngồi cho ban nhạc dân gian và các nghệ nhân chờ xuất diễn, cũng là nơi để đạo cụ và các con rối. Gian giữa chìm dưới nước từ 0,7-1,1m, là nơi để các nghệ nhân vừa lội nước, vừa cầm sào đẩy con rối ra diễn ở bên ngoài.



*Ảnh trên: Thủy đình chùa Thầy, một buổi trò mưa rồi nước điển hình.
Ảnh dưới: Thủy đình Đền Gióng.*



Có hai loại buồng trò. Loại thứ nhất được xây rất đẹp, cố định và còn có giá trị lịch sử như thủy đình chùa Thầy (thế kỷ 16-17) và thủy đình đền Gióng (thế kỷ 18). Bờ ao chính là khán đài với khoảng cách thích hợp từ 10-15m. Mặt ao giữa thủy đình và bờ ao chính là sân khấu. Khi biểu diễn, cửa buồng trò được treo một tấm màn mỏng vừa làm phong sân khấu, vừa che dấu những người điều khiển.

Loại thứ hai là buồng trò lưu động, được làm gọn nhẹ, dễ tháo lắp để có thể di lưu diễn. Tất cả các cột, kèo, mái nhà đều làm bằng gỗ, tre, phen, nứa, vải vế giả ngói... Người ta còn làm thêm hai “nhà Nanh” ở hai bên và do đó có thêm hai hành lang với bốn dãy rào tre dùng làm lối đi phụ cho các con rối.



Buồng trò lưu động trong một đợt di biểu diễn tại Nhật của Nhà hát múa rối Trung Ương.



1

Ảnh 1: Diễn viên đang dầm mình trong nước của một buồng trò lưu động để điều khiển con rối.

Ảnh 2: Ban nhạc đang biểu diễn trong buồng trò.

Ảnh 3: Một nghệ nhân đang làm các con rối.

Ảnh 4: Cây sung mọc ở bờ ao.



2

Chỉ có các con rối mới diễn trò trên sân khấu, tức là mặt nước ao. Còn những diễn viên thực thụ thì nấp trong buồng trò, sau tấm màn, dầm cả người trong nước để điều khiển con rối từ xa qua hệ thống sào chìm dưới nước.

Ban nhạc cũng phải nấp trong buồng trò nhưng họ may mắn hơn vì được ngồi trên bệ gạch khô ráo để đánh trống, gõ mõ, kéo nhị.



Việc tạc các con rối đòi hỏi các nghệ nhân không chỉ có bàn tay khéo léo mà còn phải biết tính toán kỹ thuật. Gỗ để tạc rối tốt nhất là bằng gỗ sung, vì loại gỗ này nhẹ, mềm, không thấm nước và rẻ do dễ kiếm (cây sung mọc tự nhiên ở khắp các bờ ao vùng đồng bằng).

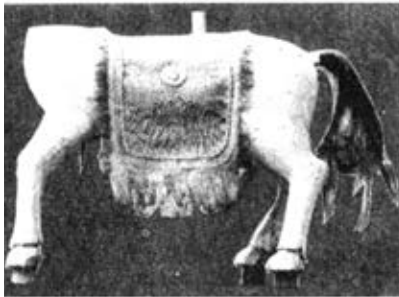
Mỗi con rối cao từ 30cm-1m, nặng từ 1kg-5kg. Tạc hình rối xong, người ta sơn son thiếp vàng để làm đẹp và cũng để chống thấm nước triệt để hơn.



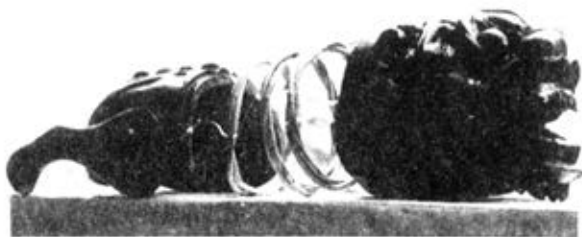


Con rối được khoét rỗng trong thân để luồn dây điều khiển cho tay cử động. Khi ra biểu diễn người ta ốp tấm gỗ vào sau lưng để che dấu kết cấu này (hình 1).

Do kích thước và hình dáng phức tạp, nhiều con rối không thể làm từ một khúc gỗ mà phải ghép nhiều mảnh lại. Chẳng hạn, rối Tráng sĩ cưỡi ngựa, các bộ phận có thể tháo ra lắp vào (hình 2).



Để con rối có thể cử động linh hoạt, các phần thân thể được làm rời ra và nối với nhau bởi các khớp. Các con rối nhạc công là một ví dụ điển hình (hình 3).



Con rối sư tử có thân được làm bằng ba vòng dây mây có thể vận mình sang hai bên (hình 4).





Một lão nghệ nhân và con rối “Chú Tễu” của ông.

“Chú Tễu” là nhân vật nổi bật của múa rối nước, đóng vai dẫn dắt, giới thiệu chương trình, bình luận, chế giễu và khen ngợi các nhân vật khác. Khán giả rất thích Tễu vì chú ta thông minh và luôn gây ra tiếng cười sảng khoái.



Các vở rối thường ngắn và chia làm hai loại:

- Những trò lẻ như: “Bật cờ”, “Trồng cột cờ”, “Cày ruộng”, “Đánh cá”...

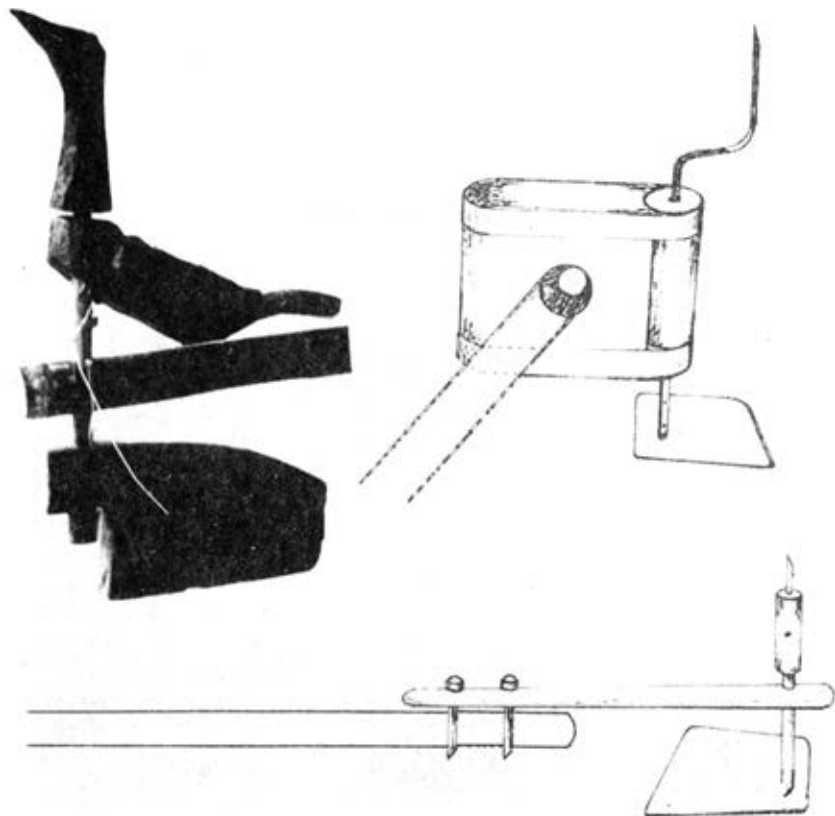
- Những trích đoạn sân khấu hay chuyện lịch sử, cổ tích như: “Từ Thức giã biệt tiên nữ”, “Lê Lợi trả kiếm cho rùa vàng”, “Thị Mầu, thị Kính”, “Tám tiên nữ múa”... Sân khấu rối nước thật tung bừng, nhộn nhịp, sôi động, đẹp mắt và hồn nhiên.

Dân làng được xem: chơi trâu, cày bừa, đánh cá, đấu vật, tiên múa, rồng phượng lân rùa cùng múa... Mặt ao nổi sóng. Độ hấp dẫn càng tăng khi pháo nổ, cờ bay, rồng phun nước... trong tiếng hát chèo, hát văn hòa cùng tiếng đàn nhị, sáo, mõ, trống com, thanh la, chũm chọe, tù và...



Cảnh đánh cá

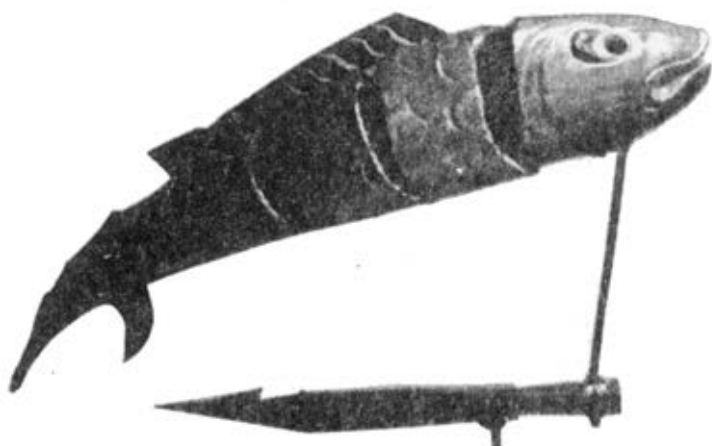
Bí quyết của múa rối nước nằm ở hệ thống điều khiển (phần chìm dưới nước). Có ba hệ thống điều khiển. Thứ nhất là hệ thống sào điều khiển đơn giản. Sào dài, nghệ nhân cầm một đầu, đầu kia là các khớp nối với chân đế của con rối. Loại rối này đơn giản nhất, chỉ di chuyển vị trí mà không cử động chân tay.

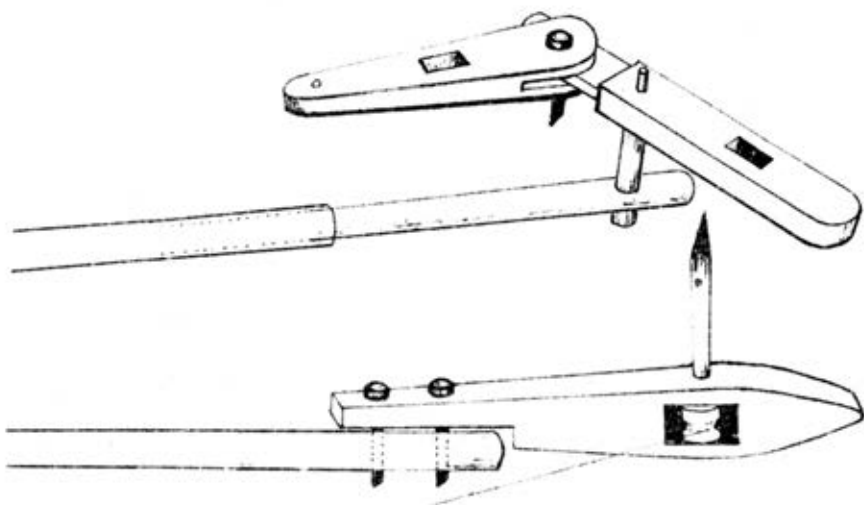


Hệ thống sào điều khiển đơn giản và một con rối (chim cốc) được điều khiển bằng hệ thống này.

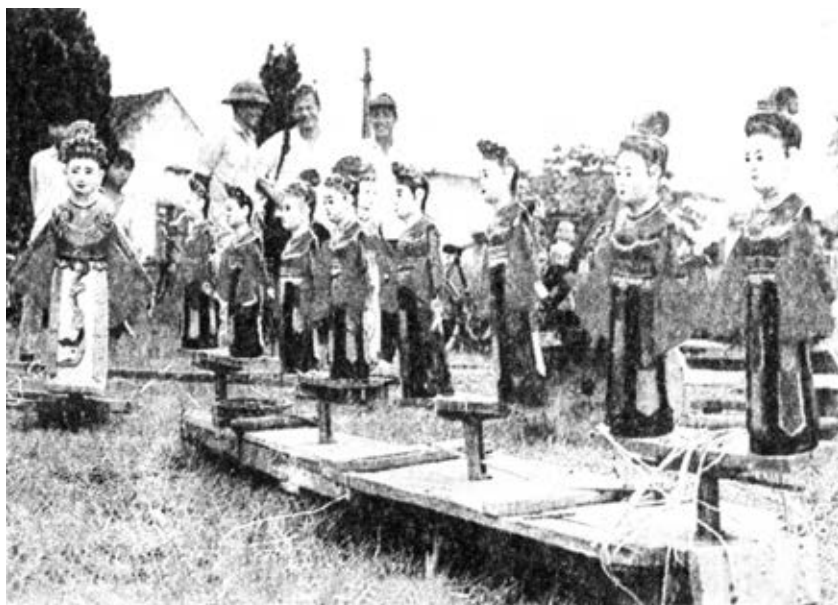


Với các con vật có chiều dài, người ta cũng vẫn dùng hệ thống điều khiển đơn giản, nhưng chia khúc, lắp các bản lề nên đã có các chuyển động phức tạp hơn. Do đó con vật có thể vừa lướt tới, vừa lắc mình trông rất sinh động.



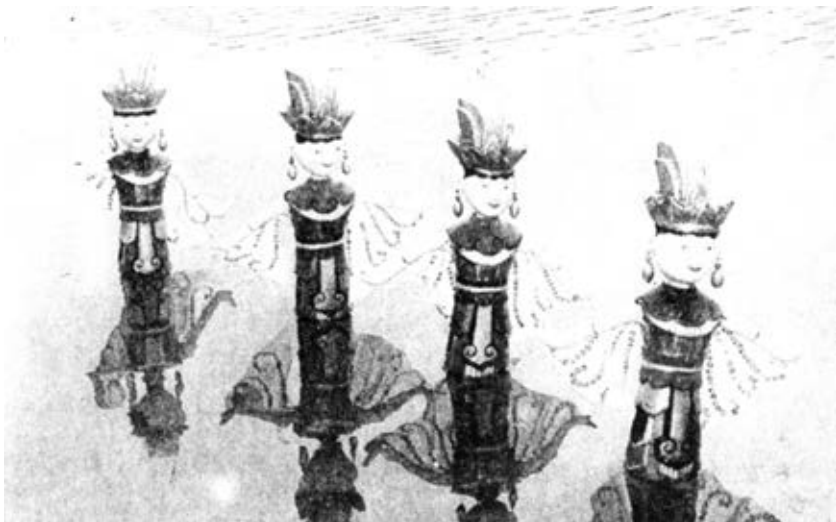


Thứ hai là hệ thống sào điều khiển phức hợp, được dùng cho các con rối có cử động đôi tay. Cùng với sào còn có cả dây được nối từ tay người điều khiển, chạy dọc theo sào luôn vào chân đế, qua thân con rối đã đục rỗng nối với hai khớp vai. Do đó, con rối vừa lướt sóng vừa xoay thân lại cử động hai tay. Ở hình bên cạnh, con rối tiên nữ còn có cả khớp bản lề ở khuỷu tay làm tay có thể gấp lại.



Và thứ ba là hệ thống điều khiển phức hợp bằng bộ khung gỗ luôn dây thùng và dây tơ. Dây được tẩm kỹ sáp ong để chống thấm nước. Hệ thống này dùng cho nhóm các con rối giống nhau, đứng thành đội hình cố định và luôn có những cử động thống nhất. Ví dụ như các tiên nữ (ảnh trên) và nhóm bốn người đàn bà khiêng kiệu (ảnh dưới).





Tối tiên nữ múa (hệ điều khiển bằng bộ khung gỗ luồn dây thừng và dây tơ).



Cảnh trong tích trò “Lê Lợi trả kiếm cho vua vàng” (cũng là hệ điều khiển phức hợp bằng khung gỗ luồn dây. Ở đây, bộ khung gỗ hiện diện dưới hình thức chiếc thuyền rồng).



Tiết mục pháo hoa

Ngày xưa không có nghệ nhân rỗi nước chuyên nghiệp. Họ là những nông dân hát hay, khéo léo, đàn giỏi, đi diễn rỗi nước vào lúc nông nhàn.

Ngày nay, rỗi nước bắt đầu vươn tới tương lai rực rỡ khi nước ta cử nhiều đoàn đi lưu diễn ở nước ngoài. Rỗi nước truyền thống Việt Nam được hoan nghênh nhiệt liệt ở Pháp, Ý, Hà Lan, Australia, Nhật, Ấn Độ, Anh, Thụy Điển, Mỹ... Vói thế giới, đây là một phát hiện mới mẻ trong lịch sử sân khấu múa rỗi.

Ngay giữa thủ đô Hà Nội có một nhà hát riêng để biểu diễn rỗi nước hàng ngày.

Người Pháp gọi môn nghệ thuật cùng với những con rỗi duyên dáng là “Linh hồn của đồng ruộng Việt Nam” và đánh giá: “Với sáng tạo và khám phá, rỗi nước đáng được xếp vào những hình thức quan trọng nhất của sân khấu múa rỗi” (Trích từ bướm của Nhà hát Múa Rỗi Hà Nội).

Nguyễn Đức Hòa biên soạn theo sách “Múa rỗi nước truyền thống Việt Nam” của Nguyễn Huy Hồng, Trần Trung Chính. Ảnh: Đỗ Nhuận, Kim Hoàn, Vũ Anh Tuấn, NXB Thế Giới, Hà Nội 1996.

LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH

TẬP 17

Ỡ LAN NGUYỄN PHI

Chịu trách nhiệm xuất bản: NGUYỄN MINH NHỰT

Chịu trách nhiệm nội dung: NGUYỄN THẾ TRUẬT

Biên tập: CÚC HUONG

Biên tập tái bản: TÚ UYÊN

Bìa: BIÊN THÙY

Sửa bản in: ĐÌNH QUÂN

Trình bày: BÙI NGHĨA

NHÀ XUẤT BẢN TRỄ

Địa chỉ: 161B Lý Chính Thắng, Phường 7,

Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 39316289 - 39316211 - 39317849 - 38465596

Fax: (08) 38437450

E-mail: nxbtre@hcm.vnn.vn

Website: www.nxbtre.com.vn

CHI NHÁNH NHÀ XUẤT BẢN TRỄ TẠI HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 21, dãy A11, khu Đầm Trấu, Phường Bạch Đằng,

Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (04) 37734544

Fax: (04) 35123395

E-mail: chinhanh@nxbtre.com.vn



Nhắc đến vua Lý Thánh Tông, không thể không nhắc đến nguyên phiỖ Lan. Tuy sinh trưởng trong một gia đình làm ruộng, có nghề trồng dâu nuôi tằm, cô gái Lê Thị Khiết đã trở thành vị Nguyên phi đầy quyền thế. Tuy vậy, không ỷ quyền thế, bà luôn một lòng vì dân vì nước, chia sẻ chính sự cùng vua, trọng dụng nhân tài, lánh xa nịnh thần,...



Đền thờỖ Lan Nguyên phi

